

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHÓA LUẬT**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
HIỆN NAY VÀ VIỆC HOÀN THIỆN**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN : TH.S NGUYỄN CÔNG HỒNG
HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN : ĐẶNG TUẤN THÀNH
MÃ SINH VIÊN : 1458300057
LỚP : LKT 14 - 01**

HÀ NỘI 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



ĐẶNG TUẤN THÀNH

Lớp: LKT 14-01

**PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
HIỆN NAY VÀ VIỆC HOÀN THIỆN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**CHUYÊN NGÀNH
LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Công Hồng

Nơi thực hiện đề tài: Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 1/4/2024 đến 10/6/2024

HÀ NỘI 2024

Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan: Đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi. Các thông tin, số liệu và kết quả trong đề tài này hoàn toàn trung thực, nguồn gốc rõ ràng và xuất phát từ thực tế pháp luật phòng, chống tham nhũng hiện nay và việc hoàn thiện. Tên khóa luận không trùng lặp với bất cứ công trình nghiên cứu nào đã được công bố.

Tác giả

Lời cảm ơn

Để hoàn thành khóa luận này, ngoài sự nỗ lực cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy, cô giáo, đồng nghiệp, bạn bè, gia đình và người thân.

Lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn Ban hiệu trưởng Đại học Đại Nam và các thầy, cô giáo đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi về mọi mặt trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành nhất đến Th.s Nguyễn Công Hồng đã dành nhiều thời gian, công sức và sự tâm huyết hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành khóa luận này.

Và cuối cùng, tôi cảm ơn gia đình, bạn bè những người đã luôn bên cạnh, tạo mọi điều kiện tốt nhất về tinh thần, vật chất, thời gian để tôi hoàn thành khóa học này.

Trân trọng cảm ơn!

Tác giả

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|--------|------------------------------|
| CTN | Chống tham nhũng |
| PCTN | Phòng, chống tham nhũng |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| CBCCVC | Cán bộ, công chức, viên chức |
| TTHC | Thủ tục hành chính |

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT | v |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Lý do chọn đề tài | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu | 4 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 6 |
| 3.1. Đối tượng nghiên cứu | 6 |
| 3.2. Phạm vi nghiên cứu | 6 |
| 4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu | 6 |
| 4.1. Mục đích nghiên cứu | 6 |
| 4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu | 6 |
| 5. Phương pháp nghiên cứu | 6 |
| 6. Đóng góp của đề tài | 7 |
| 7. Bố cục của đề tài | 7 |
| CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VỀ THAM NHƯNG VÀ PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG | 9 |
| 1.1. Những vấn đề chung về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng | 9 |
| 1.2. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 10 |
| 1.2.1. <i>Pháp luật về phòng, chống tham nhũng</i> | 10 |
| 1.2.2. <i>Tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng</i> | 23 |
| 1.3. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam | 27 |
| 1.3.1. <i>Pháp luật về phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới</i> | 27 |
| 1.3.2. <i>Giá trị tham khảo đối với Việt Nam</i> | 31 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 | 34 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG HIỆN NAY | 35 |
| 2.1. Thực trạng pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 35 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 38 |
| 2.3. Đánh giá chung | 40 |
| 2.3.1. <i>Những kết quả đạt được</i> | 40 |

| | |
|---|-----------|
| 2.3.2. Những vấn đề còn hạn chế và nguyên nhân | 42 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 | 44 |
| CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG | 45 |
| 3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 45 |
| 3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 52 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 | 55 |
| KẾT LUẬN | 56 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 58 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Qua hơn 38 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam đề xướng, chúng ta đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới, chúng ta lại gặp nhiều khó khăn trong đó có sự hoành hành của nạn tham nhũng. Tham nhũng cùng với ô nhiễm môi trường đang là hai căn bệnh ác tính chung của thế giới. Trong nước cùng với “tụt hậu về kinh tế so với các nước trong khu vực và thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, diễn biến hòa bình” và tham nhũng được Đảng ta xác định là bốn nguy cơ đe dọa sự tồn vong của một chế độ.

Ngày nay, cùng với sự năng động của nền kinh tế thị trường, tham nhũng ngày càng phát triển và đã vượt qua phạm vi lãnh thổ của một quốc gia và trở thành một thách thức mang tính toàn cầu – đó là một nhận định được cả thế giới thừa nhận. Nó là một trong những trở ngại lớn nhất đối với tăng trưởng và giảm đói nghèo. Ở Việt Nam, tham nhũng cũng đã được nhận thức khá sâu sắc rằng đó là một trở lực nghiêm trọng. Bởi vì tham nhũng len lỏi vào mọi ngóc ngách của quan hệ quyền lực lây lan nhanh chóng vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm tha hóa không ít cán bộ, đảng viên.

Tham nhũng cùng với lãng phí đã gây thiệt hại lớn về tài sản của Nhà nước, làm băng hoại đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên; xâm hại trực tiếp công lý và công bằng xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân, là nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Tham nhũng cản trở quá trình phát triển kinh tế. Tham nhũng làm đảo lộn các giá trị đạo đức. Tham nhũng làm vẩn đục các quan hệ xã hội. Nguy hiểm hơn là tham nhũng đang hình thành một thói quen tồn tại như một thứ luật bất thành văn trong đời sống xã hội diễn ra trên diện rộng và trở thành một nét ứng xử bị “vật chất hóa”, “tiền bạc hóa” đến nỗi ai cũng lên án nó nhưng ít ai thoát được khỏi vòng xoáy của nó. Và thế là tham nhũng tiếp tục hoành hành và trở nên trầm trọng hơn, bất chấp các thể chế mà Đảng và Nhà nước đưa ra để đối phó với nó. Nếu không kịp thời ngăn chặn thì đến một chừng mực nào đó tham nhũng cùng với những tác động khác sẽ gây mất ổn định chính trị, kinh tế - xã hội, đe dọa sự tồn vong của chế độ.

Nhận thức rõ mức độ nghiêm trọng và những hậu quả nguy hại của tham nhũng, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp đấu tranh nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X và Hội

ng nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã xác định: Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội phải quyết tâm thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức hành chính, kinh tế, hình sự trong việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng để từng bước đẩy lùi tham nhũng.

Về phía Nhà nước, để có cơ sở pháp lý trong việc đấu tranh PCTN ngày 29-11-2005, Quốc hội đã thông qua Luật PCTN; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 30 nghị định, quyết định, chỉ thị để cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa X) và Luật PCTN, qua đó đã quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện hầu hết các quy định của Luật PCTN. “Các bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành 42.168 văn bản mới; sửa đổi, bổ sung trên 55.416 văn bản để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành”.¹

Pháp luật về PCTN đã cụ thể hóa đường lối, chủ trương, biện pháp của Đảng về PCTN, lãng phí. Luật PCTN và các văn bản pháp luật khác về PCTN được ban hành, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho công tác PCTN. Là cơ sở pháp lý để nhận diện tham nhũng, tạo khuôn khổ pháp lý để phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; để các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong PCTN, trong việc phát hiện hành vi tham nhũng; để các cơ quan PCTN, tổ chức và công dân phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong PCTN; để tiến hành hợp tác quốc tế về PCTN.

Trong Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN, Chính phủ đã nhận định:

“Sau hơn 10 năm tổ chức triển khai thực hiện Luật PCTN, công tác PCTN đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo sự chuyển biến tích cực trên nhiều phương diện, được dư luận quần chúng trong nước đồng tình, cộng đồng quốc tế ủng hộ. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được triển khai đồng bộ, từng bước phát huy được tác dụng. Do vậy, đã có nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng được phát hiện và xử lý nghiêm minh. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (vào năm 2009) và khẩn trương nội luật hóa các quy định của Công ước phù hợp với điều kiện Việt Nam”² Luật PCTN đã giúp tạo ra môi trường thể chế ngày càng công khai, minh bạch; từng bước tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan báo chí, cộng đồng doanh nghiệp và của người dân trong công tác PCTN; cơ chế kiểm soát đối với cán bộ, công chức, viên chức và chế độ công vụ cũng ngày càng được cải thiện; việc xử lý người có hành vi tham nhũng và tài sản

¹ Ban Chấp hành Trung ương khóa X (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

² Chính phủ (2009), Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5 về ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, Hà Nội.

tham nhũng từng bước được chú trọng và nâng cao hiệu quả; bộ máy cơ quan PCTN bước đầu được củng cố, kiện toàn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, qua 10 năm thực hiện, Luật PCTN cũng đã bộc lộ một số bất cập như: quy định về công khai, minh bạch còn chưa bao quát và thiếu các biện pháp bảo đảm thực hiện; trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức chưa phù hợp và chưa có chế tài xử lý; các biện pháp phòng ngừa nhằm kiểm soát lợi ích, chưa có phương án xử lý hiệu quả đối với quà tặng; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng chưa cụ thể, rõ ràng; quy định về minh bạch tài sản, thu nhập chưa giúp kiểm soát biến động về thu nhập; cơ chế phát hiện tham nhũng chưa phát huy được hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền; các quy định về tố cáo, giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng còn thiếu các biện pháp bảo đảm thực hiện; chưa quy định rõ về các hành vi vi phạm Luật PCTN; quy định về hành vi tham nhũng trong Luật PCTN chưa đồng bộ với các quy định về tội phạm về tham nhũng và các tội phạm về chức vụ trong Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do vậy, hiện nay nạn tham nhũng vẫn diễn ra hết sức phổ biến, ngày càng tinh vi ở nhiều cấp, nhiều ngành. Thậm chí, tham nhũng đã ăn sâu vào tư duy và tác phong làm việc hàng ngày của một số cán bộ, công chức, làm giảm hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, gây bất bình trong nhân dân.

Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII nêu rõ: Tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng tập trung vào một số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước³. Đã đến lúc chúng ta phải nhận thức đầy đủ tính chất, mức độ, những tác hại và biến quyết tâm chính trị thành những biện pháp cụ thể để ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng.

Trong những năm gần đây, tình trạng tham nhũng ở Việt Nam có những biểu hiện phức tạp, việc tổ chức thực hiện pháp luật về tham nhũng còn nhiều bất cập, chưa kiên quyết, triệt để. Vì thế, nghiên cứu đề tài "**Pháp luật phòng, chống tham nhũng hiện nay và việc hoàn thiện**" mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

³ Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (2016), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

2. Tình hình nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu liên quan đến pháp luật về PCTN hiện nay được đông đảo mọi người quan tâm vì nó mang tính thời sự và thực tiễn. Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về tham nhũng của nhiều học giả, đặc biệt là các công trình nghiên cứu của Tổ chức minh bạch quốc tế (Transparency International), Ngân hàng thế giới (World Bank).

Ở Việt Nam đã nhiều học giả, nhà chính trị quan tâm đến vấn đề nhạy cảm này, đã có nhiều bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng và các công trình nghiên cứu về tham nhũng và PCTN

Luận án Tiến sĩ Luật học: *“Tình hình, nguyên nhân và các biện pháp đấu tranh phòng, chống các tội tham nhũng”* của tác giả Trần Công Phàn, nghiên cứu lý luận và thực tiễn của cuộc đấu tranh CTN, nêu bật quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh CTN, phân tích các tội tham nhũng ở nước ta hiện nay và nguyên nhân của tình hình đó cùng các giải pháp đấu tranh phòng, chống các tội phạm tham nhũng.⁴

Luận án Tiến sĩ Luật học: *“Hoàn thiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam hiện nay”* của tác giả Trần Đăng Vinh, nghiên cứu các nội dung cơ bản của pháp luật về PCTN thể hiện trong Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, xác định ưu điểm, hạn chế và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện các quy định của pháp luật về PCTN.

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Đổi mới tư duy pháp lý về đấu tranh PCTN ở Việt Nam hiện nay”* của Ngô Duy Hiếu nghiên cứu tham nhũng, đấu tranh PCTN và việc đổi mới tư duy trong phòng ngừa và đấu tranh CTN ở Việt Nam⁵.

Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Hoàn thiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam hiện nay”* của Trần Anh Tuấn, nghiên cứu cơ sở lý luận của việc hoàn thiện pháp luật về PCTN và quá trình phát triển của pháp luật về PCTN; phân tích thực trạng về PCTN (đến năm 2011); nêu lên quan điểm, phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam⁶.

Khóa luận thạc sĩ Luật học: *“Tổ chức và hoạt động của cơ quan phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam”* của Ngô Kiều Dâng, nghiên cứu thực trạng tổ chức bộ

⁴ Trần Công Phàn, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, 2004

⁵ Luận văn Thạc sĩ Luật học: “Đổi mới tư duy pháp lý về đấu tranh PCTN ở Việt Nam hiện nay” của Ngô Duy Hiếu

⁶ Trần Anh Tuấn (2011), *Hoàn thiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học – Đại học Quốc gia Hà Nội.

máy các cơ quan PCTN ở nước ta và nêu các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan này trong PCTN⁷.

Khóa luận thạc sĩ Luật học: *“Phòng chống tham nhũng từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước”* của Nguyễn Thị Kim Nhung, nghiên cứu thực trạng giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về PCTN ở nước ta và nêu các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật trong PCTN⁸.

Đề tài khoa học cấp nhà nước *“Đấu tranh PCTN ở nước ta”* của Ban Nội chính Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nghiên cứu thực trạng tham nhũng, nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng tham nhũng ở Việt Nam, kiến nghị các giải pháp nhằm đấu tranh PCTN ở nước ta⁹.

Đề tài khoa học cấp cơ sở: *“Một số vấn đề về tham nhũng trong khu vực tư và PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay”* do ThS. Nguyễn Vũ Quỳnh Lâm, Viện Khoa học Thanh tra, TTCP làm Chủ nhiệm, đề cập đến khái niệm, lý luận và thực tiễn tham nhũng trong khu vực tư, đưa ra dự báo và giải pháp PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam¹⁰.

Đề tài khoa học cấp cơ sở: *“Vai trò của người cao tuổi và Hội Cựu chiến binh tham gia PCTN ở cơ sở”* do Th.S Nguyễn Thế Huệ, Viện nghiên cứu Người cao tuổi Việt Nam làm Chủ nhiệm và Đề tài khoa học cấp cơ sở Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với công tác PCTN ở Việt Nam, do tác giả Nguyễn Tuấn Anh, Viện Khoa học Thanh tra, TTCP làm Chủ nhiệm nghiên cứu vai trò của Hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đối với công tác PCTN và đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức trên trong PCTN¹¹.

Cuốn sách: *“Nhận diện tham nhũng và các giải pháp PCTN ở Việt Nam hiện nay”* do tập thể tác giả Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực đồng chủ biên, nghiên cứu lý luận và thực tiễn để nhận diện và thiết lập các biện pháp PCTN, do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2008 và tái bản năm 2010¹².

⁷ Ngô Kiều Dâng (2014), *Tổ chức và hoạt động của cơ quan phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, Luật văn Thạc sĩ Luật học – Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁸ Nguyễn Thị Kim Nhung (2013), *Phòng chống tham nhũng từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước*, Luật văn Thạc sĩ học.

⁹ Đề tài khoa học cấp nhà nước *“Đấu tranh PCTN ở nước ta”*

¹⁰ Đề tài khoa học cấp cơ sở *“Một số vấn đề về tham nhũng trong khu vực tư và PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay”* do ThS. Nguyễn Vũ Quỳnh Lâm, Viện Khoa học Thanh tra

¹¹ Đề tài khoa học cấp cơ sở: *“Vai trò của người cao tuổi và Hội Cựu chiến binh tham gia PCTN ở cơ sở”* do Th.S Nguyễn Thế Huệ, Viện nghiên cứu Người cao tuổi Việt Nam

¹² Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (2008), Cuốn sách: *“Nhận diện tham nhũng và các giải pháp PCTN ở Việt Nam hiện nay”*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia tái bản năm 2010

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đây đã đi sâu nghiên cứu làm rõ khái niệm tham nhũng, bản chất tham nhũng, đặc điểm, nguyên nhân và phân tích thực trạng tham nhũng và pháp luật về PCTN, đồng thời đưa ra phương hướng, giải pháp về PCTN. Do đó đây là những công trình nghiên cứu giúp em thực hiện tốt đề tài: ***"Pháp luật phòng, chống tham nhũng hiện nay và việc hoàn thiện"***.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Pháp luật về PCTN và việc tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu như sau:

- *Phạm vi nội dung:*

Pháp luật về phòng, chống tham nhũng được nghiên cứu ở 02 góc độ: Quy định pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN.

- *Phạm vi không gian:* Trên địa bàn toàn quốc.

- *Phạm vi thời gian:* Thời gian nghiên cứu từ năm 2023 đến nay.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nhận thức lý luận pháp luật về PCTN, đánh giá thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về PCTN Việt Nam, khóa luận đề xuất phương hướng và một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCTN trên địa bàn cả nước.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên đây, khóa luận đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về tham nhũng và pháp luật PCTN.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam; đánh giá kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật PCTN.

- Đề xuất phương hướng cùng một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về PCTN và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận

Việc nghiên cứu đề tài được tiến hành dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, dựa trên quan điểm, chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng về PCTN hiện nay, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Hội

ng nghị BCH Trung ương lần thứ 3 (Khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của đối với công tác PCTN, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, tự chuyển hóa” trong nội bộ.¹³

Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, tác giả sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp thống kê; phương pháp khảo cứu tài liệu; phương pháp so sánh - đối chiếu; phương pháp phân tích - tổng hợp để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu, tổng kết thực tiễn ban hành các quy định về PCTN và tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam trong thời gian qua.

6. Đóng góp của đề tài

Về phương diện lý luận

Trên cơ sở những vấn đề lý luận chung về tham nhũng và PCTN, đề tài góp phần làm rõ các quy định pháp luật về tham nhũng và PCTN.

Từ đánh giá các quy định pháp luật và việc tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về PCTN và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCTN trong thời gian tới trên địa bàn Việt Nam.

Về phương diện thực tiễn

Đề tài có thể được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhà quản lý, hoạch định chính sách nói chung tham khảo để vận dụng vào công tác đấu tranh PCTN; Trường Chính trị tỉnh và các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo nói chung trên cả nước tham khảo để phục vụ cho công tác giảng dạy pháp luật về PCTN trong các chương trình đào tạo hoặc bồi dưỡng.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về tham nhũng và pháp luật phòng, chống tham nhũng

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội & Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

Chương 2. Thực trạng pháp luật phòng, chống tham nhũng hiện nay

Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THAM NHŨNG VÀ PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1.1. Những vấn đề chung về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng

Khái niệm về tham nhũng:

Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định: "*Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.*"

Đối tượng tham nhũng:

Theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015, đối tượng phạm tội tham ô tài sản là:

– Người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, doanh nghiệp nhà nước.

– Người được giao quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, doanh nghiệp nhà nước.

– Người được ủy thác quản lý, sử dụng tài sản của tổ chức, cá nhân¹⁴.

Hành vi tham nhũng:

Căn cứ Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định các hành vi tham nhũng gồm:

- Tham ô tài sản;
- Nhận hối lộ;
- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;
- Giả mạo trong công tác vì vụ lợi;
- Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi;
- Những nhiễu vì vụ lợi;

¹⁴ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017

– Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;

– Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

PCTN là tổng thể các biện pháp mà một nhà nước áp dụng để phòng ngừa (phòng), phát hiện, ngăn chặn và xử lý (chống) tham nhũng. Những biện pháp đó có thể là lập pháp (ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh những hành vi tham nhũng), hành pháp (thực hiện các quy định pháp luật về PCTN), tư pháp (xử lý những hành vi tham nhũng theo luật định), hoặc những biện pháp giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của những chủ thể có liên quan về vấn đề này.

Như vậy, PCTN bao gồm hai lĩnh vực hoạt động:

Một là, phòng ngừa tham nhũng là hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân công dân nhằm làm bớt đi các điều kiện tham nhũng, bao gồm các hoạt động như: Ban hành các văn bản để điều chỉnh hành vi tham nhũng; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức; công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan; minh bạch tài sản thu nhận; xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn, cải cách hành chính...

Hai là, chống tham nhũng là hoạt động cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân công dân trong phát hiện tham nhũng và xử lý tham nhũng, bao gồm các hoạt động như: khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát, kiểm tra, thanh tra; điều tra, truy tố, xét xử...

1.2. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

1.2.1. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Khái niệm:

Pháp luật về phòng, chống tham nhũng là hệ thống các quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng.

Từ khái niệm pháp luật về PCTN, có thể xác định đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, nguồn pháp luật PCTN như sau:

Đối tượng điều chỉnh của pháp luật nói chung, chính là các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, pháp luật không điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội cụ thể mà chỉ điều

chỉnh các quan hệ xã hội quan trọng nhất liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhà nước, xã hội và cá nhân con người.

Mỗi một ngành luật có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh riêng. Xác định đối tượng điều chỉnh của pháp luật là xác định ranh giới của việc sử dụng pháp luật vào việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, xác định ranh giới của sự can thiệp công khai của Nhà nước thông qua pháp luật vào sự phát triển của các quan hệ xã hội. Luật Hành chính điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước; trong tổ chức và hoạt động nội bộ của các cơ quan quyền lực nhà nước, tòa án, viện kiểm sát; trong hoạt động của các tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền hành pháp. Pháp luật về PCTN không phải là một ngành luật độc lập mà là một chế định thuộc ngành luật hành chính. Vì vậy, pháp luật về PCTN điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể trong hoạt động phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng. Đồng thời cũng xuất phát từ phương pháp điều chỉnh chung của Luật Hành chính, pháp luật về PCTN sử dụng phương pháp điều chỉnh là mệnh lệnh – phục tùng. Tính mệnh lệnh được hình thành từ quan hệ “quyền lực – phục tùng” giữa một bên nhân danh nhà nước ra những mệnh lệnh bắt buộc bên kia (cá nhân, cơ quan, tổ chức phải phục tùng các mệnh lệnh đó).

Nhìn chung nguồn của pháp luật về PCTN rất đa dạng. Các quy phạm pháp luật PCTN được chứa đựng trong nhiều văn bản pháp luật như: Luật PCTN; Bộ Luật Hình sự; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Giám sát; Luật Thanh tra; Luật phòng chống rửa tiền; Luật Cán bộ, công chức; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... và cả trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Được ban hành lần đầu năm 2005 và sửa đổi, bổ sung vào các năm 2007 và 2012, Luật PCTN được coi là văn bản xương sống trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam về PCTN.

Nội dung điều chỉnh của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Phòng ngừa tham nhũng là một trong những nội dung lớn của Luật phòng, chống tham nhũng. Kinh nghiệm chống tham nhũng của các nước trên thế giới cho thấy, công tác phòng ngừa đóng vai trò rất quan trọng. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng khuyến cáo các quốc gia thành viên lưu ý trong việc xây dựng và duy trì một chiến lược phòng ngừa tham nhũng liên tục, toàn diện và có hiệu quả. Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định khá đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng hiện nay. Chính vì vậy, trong Luật PCTN năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012), số lượng điều khoản và nội dung về phòng ngừa tham nhũng chiếm tỉ lệ rất lớn, phần lớn các quy định của pháp luật về chống tham nhũng nằm trong các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Các quy

định về biện pháp phòng ngừa tham nhũng được quy định tại chương này gồm có 6 mục với tổng số 48 điều quy định những nội dung cụ thể như sau:

Một là, công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Đây là biện pháp quan trọng đầu tiên để ngăn ngừa tham nhũng. Công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện để người dân cũng như toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Với việc công khai minh bạch trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước, người dân sẽ dễ dàng nhận biết và chủ động thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình cũng như đòi hỏi cơ quan Nhà nước và các cán bộ, công chức nhà nước thực hiện các quy định đó. Công khai, minh bạch sẽ làm cho công chức nhà nước có ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền mà pháp luật quy định bởi, mọi hành vi vi phạm, phiền hà, sách nhiễu hay lợi dụng chức trách để tư lợi đều có thể bị phát hiện và xử lý.

Điều 11, Luật PCTN năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012) quy định nguyên tắc và nội dung công khai minh bạch bao gồm: công khai chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; công khai hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Về hình thức công khai bao gồm: Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; phát hành ấn phẩm; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên trang thông tin điện tử; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Về nội dung công khai, minh bạch bao gồm: Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản, trong quản lý dự án đầu tư xây dựng; công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước; việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ; công khai, minh bạch trong quản lý doanh nghiệp nhà nước, trong cổ phần hóa doanh nghiệp của Nhà nước, trong kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước; công khai minh bạch trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trong quản lý và sử dụng nhà ở; công khai, minh bạch trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học – công nghệ, thể dục – thể thao, văn hóa, thông tin, truyền thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn; trong thực hiện chính sách dân tộc; trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước; trong hoạt động giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; trong lĩnh vực tư pháp; trong công tác tổ chức – cán bộ. Ngoài ra, pháp luật còn quy định về quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan,

tổ chức, của cá nhân và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước; công khai báo cáo hàng năm về phòng, chống tham nhũng.

Hai là, xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

Chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong các lĩnh vực quản lý luôn liên quan đến việc sử dụng tài sản, vốn và ngân sách nhà nước. Việc thực hiện một cách tùy tiện và trái phép các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đó sẽ dẫn đến việc tài sản của Nhà nước bị thất thoát, tiền bạc hoặc những lợi ích vật chất rơi vào một số ít người, thực chất đó là sự hưởng lợi bất chính của những người có chức vụ, quyền hạn hoặc những người có quan hệ thân quen với người có chức vụ, quyền hạn. Đây chính là hành vi tham nhũng cần ngăn chặn.

Thông thường có hai loại tiêu chuẩn, chế độ, định mức bị vi phạm liên quan đến tham nhũng:

- Các chế độ, định mức, tiêu chuẩn về lợi ích, nhất là các chế độ đối với người có chức vụ lãnh đạo, quản lý. Chẳng hạn: chế độ phục vụ, chế độ dùng xe công, tiêu chuẩn dùng điện thoại...

- Các chế độ, định mức, tiêu chuẩn có tính chất chuyên môn - kỹ thuật. Đó là những quy định để bảo đảm chất lượng các công trình hoặc công việc nào đó, với những yêu cầu chính xác cao về kỹ thuật, về quy trình thực hiện, về thời gian, về nguyên vật liệu. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đều phải xây dựng, ban hành, công khai, tổ chức thực hiện và kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

Về trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Cần phân biệt có hai loại trách nhiệm, một là trách nhiệm chung của người đã có hành vi vi phạm, hai là trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại đã gây ra do việc thực hiện sai chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Đối với loại thứ hai, có sự phân biệt trách nhiệm giữa người quyết định làm sai quy định và người được hưởng lợi từ việc thực hiện quy định sai trái đó theo nguyên tắc: Người quyết định việc thực hiện sai chế độ, định mức, tiêu chuẩn thì chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường, còn người được hưởng lợi từ việc thực hiện sai chế độ, định mức, tiêu chuẩn thì có trách nhiệm liên đới bồi thường.

Ba là, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức.

Để phòng, chống tham nhũng cần thiết phải tăng cường kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, cụ thể là tác động vào đội ngũ cán bộ, công chức và quá trình thực hiện công vụ. Ngoài ra, trong chừng mực nào đó, cần kiểm soát cả những quan hệ xã hội của họ, những quan hệ có nguy cơ bị lợi dụng và nảy sinh tham

những. Vì vậy, Pháp luật về PCTN đã quy định nhiều giải pháp liên quan đến cán bộ, công chức như sau:

- Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

*“Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức”.*¹⁵

Nội dung quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: Những điều cán bộ, công chức không được làm; nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo về dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực tế cho thấy, hầu hết các vụ việc tham nhũng trong thời gian gần đây đều được phát hiện "từ bên ngoài". Trong khi đó, những thông tin hay biểu hiện tham nhũng trong cơ quan, đơn vị thì không được phát giác kịp thời. Có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng một trong số đó là biểu hiện né tránh, nể nang, thậm chí là thiếu trách nhiệm, vi phạm pháp luật.

Nếu báo cáo với người có thẩm quyền thì có thể gây mất đoàn kết nội bộ hoặc cơ quan, đơn vị mình mất thành tích thi đua. Tuy nhiên, pháp luật đòi hỏi người cán bộ, công chức, viên chức phải lựa chọn lợi ích cao hơn đó là lợi ích của Nhà nước, của toàn xã hội và trong mọi trường hợp đều phải bảo đảm nguyên tắc “mọi hành vi tham nhũng đều phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh”¹⁶. Sự xung đột lợi ích này cũng xảy ra đối với người nhận được báo cáo về dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và việc giải quyết đúng pháp luật báo cáo đó chính là ứng xử một cách đúng đắn, là trách nhiệm của người cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo về dấu hiệu tham nhũng của CBCCVC, Luật PCTN cũng quy định trách nhiệm của CBCCVC biết được hành vi tham nhũng mà không báo cáo và người nhận được báo cáo về hành vi, dấu hiệu tham nhũng mà không xử lý thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Quy định về tặng quà và nhận quà tặng của CBCCVC.

Việc tặng quà và nhận quà tặng vốn là một phong tục, tập quán bình thường của người Á Đông nói chung và của người Việt Nam nói riêng, thể hiện tình cảm hay sự biết ơn trong các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, phong tục này hiện nay đang có xu hướng bị lợi dụng để thực hiện hành vi đưa và nhận hối lộ. Để phòng ngừa tham

¹⁵ Khoản 3 Điều 3 Luật Viên chức 2010

¹⁶ Luật Phòng chống tham nhũng 2005

những thông qua thực hiện hành vi tặng quà và nhận quà tặng, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 chỉ đưa ra các quy định có tính nguyên tắc và giao cho Chính phủ quy định chi tiết việc tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức.

“Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước làm quà tặng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; CBCCVV không được nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình; Nghiêm cấm lợi dụng việc tặng quà, nhận quà tặng để hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác vì vụ lợi”¹⁷.

Ngày 10- 5- 2007, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ban hành qui chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó có những quy định cụ thể về quà tặng, về nhận quà, về một số hành vi nghiêm cấm trong việc nhận quà, việc báo cáo và nộp lại quà tặng, trình tự xử lý quà tặng...

- Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Đề phòng ngừa tham nhũng, pháp luật về PCTN quy định việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với một số nghề đặc thù, hoạt động có tính chất độc lập như luật sư, kiểm toán viên. Mặc dù đây không phải là những người thuộc đội ngũ CBCCVV làm việc trong cơ quan nhà nước nhưng cũng cần có những quy định về chuẩn mực đạo đức trong quá trình hành nghề cho phù hợp, nhằm hướng tới một nền văn hoá phi tham nhũng trong toàn xã hội, cả trong khu vực công lẫn khu vực tư.

“Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với hội viên của mình theo quy định của pháp luật”¹⁸.

Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 đặt ra yêu cầu: Đẩy mạnh việc xây dựng, công bố công khai các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

¹⁷ Nghị định 59/2010/NĐ-CP

¹⁸ Điều 42 Văn bản hợp nhất 10/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Phòng, chống tham nhũng do Văn phòng Quốc hội ban hành

- Vấn đề chuyển đổi vị trí công tác của CBCCVC.

Việc chuyển đổi vị trí công tác được coi là một giải pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa hiện tượng cấu kết, móc nối hình thành “êkíp”, “đường dây” tiêu cực, tham nhũng. Luật PCTN quy định một số nguyên tắc chung về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức. Để đảm bảo sự ổn định của quản lý và tính chất chuyên sâu của công việc, việc chuyển đổi chỉ là chuyển đổi về vị trí, mang tính chất địa lý, cơ học chứ không phải chuyển đổi về nội dung, tính chất công việc; đồng thời việc chuyển đổi chỉ thực hiện đối với một số vị trí quản lý tiền, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đây là một biện pháp mới trong công tác PCTN được nhiều nước áp dụng có hiệu quả.

“Cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo thẩm quyền quản lý có trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi CBCCVC làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng”¹⁹.

Cụ thể hoá quy định trên đây, ngày 27- 10- 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2007/NĐ- CP quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Nghị định này quy định phải định kỳ chuyển đổi 21 vị trí công tác trong các lĩnh vực.

Bốn là, minh bạch tài sản, thu nhập của CBCCVC.

Cho đến nay, hệ thống minh bạch tài sản ở Việt Nam vẫn chỉ dừng lại ở kê khai tài sản đơn thuần, còn thiếu nhiều yếu tố để Nhà nước có thể kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức. Luật PCTN đã quy định những nội dung cơ bản nhất của một hệ thống minh bạch tài sản, bao gồm những vấn đề chính như sau:

- Cán bộ, công chức phải kê khai tài sản hàng năm để tránh che giấu, tẩu tán tài sản tham nhũng; ngoài việc kê khai tài sản của bản thân, cán bộ, công chức còn phải kê khai tài sản của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

- Việc xác minh tài sản được tiến hành trong một số trường hợp nhất định. Khi xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử hoặc có hành vi tham nhũng thì thủ trưởng cơ quan tổ chức việc xác minh tài sản để xem cán bộ, công chức có kê khai trung thực hay không.

¹⁹ Điều 24 Luật Phòng chống tham nhũng 2018

- Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai trong một số trường hợp nhất định theo yêu cầu và trên cơ sở quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật nếu kê khai không trung thực, nếu là người ứng cử thì sẽ bị loại khỏi danh sách bầu cử, người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn thì sẽ không được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ dự kiến.

Pháp luật về PCTN đưa ra nhiều quy định liên quan đến việc kê khai tài sản như: đối tượng phải kê khai tài sản, tài sản phải kê khai, thủ tục kê khai tài sản, công khai bản kê khai tài sản, nghĩa vụ giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm, thẩm quyền và thủ tục xác minh tài sản, xử lý người kê khai tài sản không trung thực. Tuy nhiên, không phải mọi cán bộ, công chức đều phải có nghĩa vụ kê khai tài sản, mà chỉ cán bộ có chức vụ từ phó trưởng phòng của cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên hoặc tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức làm tại một số vị trí nhất định.

Điều 6, Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09-3-2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập đã quy định cụ thể người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập.

Ngày 03-07-2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 85/2008/QĐ-TTg ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hiện đang làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, lực lượng vũ trang.

Năm là, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu là một yếu tố quan trọng trong quản lý nhà nước và chống tham nhũng nói riêng. Luật PCTN quy định một cách chi tiết về vấn đề này, bao gồm những nội dung chính sau:

- Phân định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức với cấp phó được giao phụ trách các lĩnh vực; theo đó, người đứng đầu chịu trách nhiệm chung và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với lĩnh vực do mình quản lý, cấp phó chịu trách nhiệm trực tiếp đối với lĩnh vực được giao phụ trách.

- Phân cấp trách nhiệm rõ ràng cho người đứng đầu đơn vị, phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị mình.

Luật PCTN đã khẳng định lại nguyên tắc: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Trên cơ sở nguyên tắc chung như trên, Luật cũng quy định tùy từng trường hợp cụ thể mà xác định mức độ trách nhiệm

khác nhau của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, có trường hợp họ phải chịu trách nhiệm trực tiếp, có trường hợp thì liên đới chịu trách nhiệm.

Cụ thể những quy định trên của Luật PCTN, ngày 22-9-2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2006/NĐ-CP quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; quy định mức độ của vụ, việc tham nhũng làm căn cứ để xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Sáu là, cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán.

Quản lý là phương diện hoạt động quan trọng của bộ máy nhà nước, diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và ảnh hưởng đến quyền lợi của mọi người dân. Đây cũng là nơi tình trạng tham nhũng xảy ra nhiều nhất. Đó là lý do mà cải cách hành chính luôn là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Pháp luật về PCTN quy định về cải cách hành chính để góp phần phòng ngừa tham nhũng. Trong đó có nội dung: Nhà nước thực hiện cải cách hành chính nhằm tăng cường tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; công khai, đơn giản hoá và hoàn thiện thủ tục hành chính; quy định cụ thể trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Pháp luật về PCTN quy định có tính chất định hướng cho các cơ quan nhà nước áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý nhằm giảm bớt cơ hội và nguy cơ xảy ra tham nhũng, nhất là việc tiếp xúc trực tiếp giữa người quản lý và người bị quản lý trong những trường hợp không cần thiết. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị thường xuyên cải tiến công tác, tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ trong hoạt động của mình, tạo thuận lợi để công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngoài ra, pháp luật về PCTN còn quy định vấn đề đổi mới phương thức thanh toán. Hiện nay, về cơ bản nền kinh tế của chúng ta vẫn là nền kinh tế tiền mặt, các giao dịch chủ yếu bằng tiền mặt, rất khó kiểm soát, kể cả các khoản thu nhập của cán bộ, công chức từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, cùng với việc áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, cần phải đổi mới phương thức thanh toán để kiểm soát

chặt chẽ hơn các giao dịch, nhất là những khoản chi có sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản chi liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm sự minh bạch trong các nguồn thu nhập của họ.

Thứ hai, pháp luật về phát hiện tham nhũng.

Phát hiện tham nhũng là việc tìm ra vụ việc tham nhũng và có biện pháp kịp thời để hạn chế thiệt hại xảy ra, đồng thời xác định mức độ trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, có hình thức xử lý thích đáng và nghiêm minh. Việc phát hiện tham nhũng đòi hỏi sự nỗ lực của mọi cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các cơ quan có chức năng thanh tra, điều tra, giám sát, kiểm sát cũng như sự tham gia tích cực của công dân. Pháp luật về PCTN quy định: việc phát hiện tham nhũng thông qua ba hoạt động chủ yếu sau:

Một là, thông qua công tác kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Kiểm tra là một hoạt động không thể thiếu trong quản lý nhà nước. Các hành vi tham nhũng có thể diễn ra trong mọi lĩnh vực quản lý. Vì vậy, công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát hiện các vụ việc tham nhũng. Tuy nhiên trên thực tế, việc xác định tính chất và mức độ của vụ việc tham nhũng cũng như trách nhiệm của những người vi phạm đòi hỏi có nhiều thời gian và công sức, thường thuộc về trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, điều tra nhưng những dấu hiệu ban đầu của các vi phạm, những dấu hiệu không bình thường trong hoạt động quản lý lại thường do các cơ quan quản lý phát hiện.

Vì vậy, pháp luật về PCTN nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong việc thường xuyên tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan mình. Tùy từng vụ việc cụ thể, căn cứ vào tính chất và mức độ của nó mà có thể xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho các cơ quan chức năng xử lý.

Mặc dù pháp luật đề cao công tác kiểm tra của các cơ quan nhằm phát hiện tham nhũng nhưng để tránh tình trạng kiểm tra tràn lan, hoặc lợi dụng việc kiểm tra để gây khó khăn cho đồng nghiệp và công dân, Luật cũng quy định các hình thức kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm cũng như trường hợp kiểm tra đột xuất phải có những điều kiện nhất định. *“Việc kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động thường phát sinh hành vi tham nhũng. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng”*²⁰.

²⁰ Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

Hai là, thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát.

Đây là những hoạt động chủ yếu trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng. Các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm toán, xét xử và giám sát có chức năng bảo vệ pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm, trong đó có tham nhũng. Đây là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật.

“Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị việc xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình”²¹.

Việc phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát được pháp luật về PCTN quy định: *“Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân thông qua hoạt động giám sát có trách nhiệm phát hiện hành vi tham nhũng, yêu cầu hoặc kiến nghị việc xử lý theo quy định của pháp luật”²².*

Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 đưa ra nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham.

Ba là, thông qua tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng.

Tố cáo là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Tố cáo là một kênh quan trọng trong phát hiện hành vi tham nhũng.

Luật PCTN quy định những nguyên tắc chung và nội dung cơ bản của tố cáo hành vi tham nhũng. Luật quy định cơ chế bảo vệ người tố cáo, quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tiếp nhận và xử lý tố cáo hành vi tham nhũng, khen thưởng người tố cáo v.v..

Tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng với hai nhóm nội dung sau:

- Quyền của công dân trong việc tố cáo hành vi tham nhũng, trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tố cáo.

²¹ Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

²² Hiến pháp 2013

“Công dân có quyền tố cáo hành vi tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Người tố cáo phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Người tố cáo mà cố tình tố cáo sai sự thật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”²³.

- Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và những người có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tố cáo của công dân đối với hành vi tham nhũng.

Pháp luật về PCTN quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự đe dọa trả thù, trù dập. Đây là vấn đề rất quan trọng vì trong nhiều trường hợp, người bị tố cáo là những người có chức vụ, quyền hạn, thậm chí giữ chức vụ, quyền hạn rất cao nên họ có nhiều cách để trả thù người tố cáo hoặc giữ kín sự việc mà người tố cáo phát hiện cho Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước phải có những cơ chế bảo vệ người tố cáo, tạo điều kiện để công dân tích cực phát hiện các hành vi tham nhũng, cơ quan nhà nước kịp thời xử lý.

Thứ ba, pháp luật về xử lý tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Một là, xử lý kỷ luật và xử lý hình sự.

Pháp luật về PCTN không chỉ quy định đối tượng có hành vi tham nhũng bị xử lý mà quy định cả các đối tượng khác có hành vi vi phạm liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ hay trách nhiệm của mình mà pháp luật đã có quy định.

Điều 68, Luật PCTN quy định đối tượng bị xử lý kỷ luật, xử lý hình sự bao gồm:

“Người có hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật; Người không báo cáo, tố giác khi biết được hành vi tham nhũng; Người không xử lý báo cáo, tố giác, tố cáo, về hành vi tham nhũng; Người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; Người thực hiện hành vi khác vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”²⁴.

Đối tượng có thể bị xử lý liên quan đến việc thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng rất đa dạng. Tuy nhiên, đối với CBCCVC (là nhóm chủ yếu trong số những người có chức vụ, quyền hạn) thì hình thức xử lý phổ biến đối với họ (nếu chưa đến mức xử lý hình sự) là việc áp dụng các hình thức kỷ luật bao gồm: Khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; hạ ngạch; cách chức; buộc thôi việc.

²³ Hiến pháp 2013

²⁴ Điều 68, Luật PCTN 2018

Nếu hành vi vi phạm đến mức độ nguy hiểm cao gây thiệt hại lớn về tiền và tài sản của Nhà nước thì họ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Chương XXI, Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Các tội phạm về chức vụ. Bao gồm: bảy tội danh tham nhũng và bảy tội danh khác về chức vụ.

Hai là, quy định về xử lý tài sản tham nhũng.

Tham nhũng về bản chất là một hành vi có tính chất vụ lợi và một trong những hậu quả mà tham nhũng gây ra là tài sản công bị chiếm đoạt. Chính vì vậy, mục tiêu quan trọng của đấu tranh chống tham nhũng là phải bảo vệ được lợi ích của Nhà nước cũng như lợi ích của tập thể và cá nhân. Chống tham nhũng cần quan tâm đến việc tịch thu, thu hồi tài sản tham nhũng, tránh tình trạng chỉ quan tâm đến việc xử lý người vi phạm về kỷ luật hay hình sự mà chưa quan tâm hoặc có biện pháp hữu hiệu để thu hồi lại số tài sản mà kẻ tham nhũng đã chiếm đoạt và có được từ việc thực hiện hành vi tham nhũng. Việc xử lý tài sản tham nhũng phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

“Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp cần thiết để, thu hồi, tịch thu tài sản tham nhũng. Tài sản tham nhũng phải được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước. Người đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát hiện hành vi đưa hối lộ thì được trả lại tài sản đã dùng để hối lộ. Việc tịch thu tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng được thực hiện bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”²⁵.

Về cơ bản, những nguyên tắc trên đã được thể hiện trong các văn bản pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, điểm mới khá quan trọng trong việc xử lý tài sản của người đưa hối lộ đó là khuyến khích người đưa hối lộ khai báo, phát giác hành vi nhận hối lộ. Mặc dù, còn khá nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề xử lý đối với người có hành vi hối lộ nhưng nhìn chung đều nhất trí rằng cần có quy định theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm cho người đưa hối lộ để khuyến khích họ phát giác hành vi nhận hối lộ. Thực tế cho thấy, việc xử lý cả người đưa hối lộ khi họ đã chủ động khai báo là không công bằng và gây ra những dư luận không đồng tình trong xã hội.

Ngoài ra, về vấn đề xử lý tài sản tham nhũng, để phù hợp với tinh thần của Công ước của Liên hợp quốc mà Việt Nam đã tham gia ký kết, pháp luật về PCTN ở Việt Nam quy định:

“Trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Chính

²⁵ Luật PCTN 2018

phủ Việt Nam hợp tác với Chính phủ nước ngoài trong việc thu hồi tài sản của Việt Nam hoặc của nước ngoài bị tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp”²⁶.

1.2.2. Tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Khái niệm:

Tổ chức thi hành pháp luật được hiểu là hoạt động mang tính tổ chức đưa pháp luật thực định vào đời sống nhà nước và đời sống xã hội, làm cho pháp luật sau khi ban hành có hiệu lực thực thi trong thực tế²⁷.

Nội dung tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Chiến lược phòng chống tham nhũng đến năm 2020 đã nêu rõ “Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân”. Như vậy, phòng, chống tham nhũng được Đảng và Nhà nước ta xác định không phải chỉ là nhiệm vụ của riêng một cơ quan hay tổ chức nào mà là của cả hệ thống chính trị tức là của mọi cơ quan nhà nước, của Đảng, của mọi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Vấn đề đặt ra ở đây là phòng, chống tham nhũng có phải là chức năng của mọi cơ quan nhà nước, của Đảng, của mọi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hay không? Chức năng của một cơ quan, tổ chức là những nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên của cơ quan, đơn vị đó và cơ sở để thực hiện phải là những thẩm quyền, quyền hạn được giao. Như vậy, phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ nhưng không phải là chức năng của mọi cơ quan, tổ chức. Chỉ những cơ quan, tổ chức nào được pháp luật quy định nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ thường xuyên, chủ yếu đồng thời trao những thẩm quyền, quyền hạn cụ thể để thực hiện việc phòng, chống tham nhũng mới là những cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng.

Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, chức năng phòng, chống tham nhũng được trao cho các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, toà án.

- Trách nhiệm của cơ quan thanh tra

²⁶ Luật PCTN 2018

²⁷ Hiến pháp 2013

Theo Luật Thanh tra 2010: *“Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm: 1. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng thì đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý; 2. Xây dựng hệ thống dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng”*²⁸.

Theo đó, Cục Chống tham nhũng thuộc Thanh tra Chính phủ được thành lập và đi vào hoạt động năm 2006, gồm có Cục trưởng, 04 Phó Cục trưởng và 05 phòng nghiệp vụ với tổng số 41 người. Cục Chống tham nhũng có chức năng tham mưu cho Tổng Thanh tra Chính phủ công tác quản lý nhà nước về PCTN, trực tiếp tiến hành thanh tra một số vụ việc theo sự phân công của Tổng Thanh tra.

- Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước: *“Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý hành vi tham nhũng; trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng thì chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý”*²⁹.

- Trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: *“Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động điều tra tội phạm về tham nhũng”*³⁰.

Trên cơ sở đó, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng được thành lập theo Quyết định số 1735/QĐ- BCA ngày 07- 4- 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an trên cơ sở hợp nhất Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng, gồm có: Cục trưởng, 08 Phó Cục trưởng, 14 phòng nghiệp vụ, với tổng số cán bộ, chiến sĩ là 405 người. Cục có năng tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế.

- Trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao: *“1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động truy tố các tội phạm về tham nhũng; kiểm sát hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án đối với các tội phạm về tham nhũng.
2. Đối với Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm xét xử, hướng dẫn công tác xét xử các tội phạm về tham nhũng”*.

Thực hiện quy định trên, Vụ Thực hành công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng, chức vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được thành lập và đi vào hoạt

²⁸ Luật Thanh tra 2010

²⁹ Luật Thanh tra 2010

³⁰ Luật Thanh tra 2010

động năm 2007, gồm có Vụ trưởng, 03 Phó Vụ trưởng, 04 phòng nghiệp vụ, với tổng số 22 người. Vụ có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án tham nhũng, chức vụ; giúp Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao trong công tác PCTN; phối hợp thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về PCTN.

Chiến lược Phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cũng đặt ra mục tiêu là “Tính trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, sức chiến đấu và hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng được nâng cao, giữ vai trò nòng cốt trong phát hiện và xử lý tham nhũng”. Trong các giải pháp phòng, chống tham nhũng, Chiến lược cũng nhấn mạnh giải pháp “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng”. Vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong phòng, chống tham nhũng lại tiếp tục được nhấn mạnh một lần nữa.

Thứ hai, triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Một là, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của CBCCVC và nhân dân về công tác PCTN; tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN. Đưa nội dung của Luật PCTN và chương trình giáo dục. Mở chuyên mục tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN trên các báo, đài.

Hai là, thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hình thức công khai bao gồm: công bố tại cuộc họp; niêm yết tại trụ sở làm việc; thông báo bằng văn bản; phát hành ấn phẩm; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nội dung công khai minh bạch trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước như: mua sắm, xây dựng cơ bản; quản lý dự án đầu tư xây dựng; tài chính và ngân sách nhà nước; huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ...

Tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Tổ chức thực hiện các quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện những việc CBCCVC không được làm, các quy định về việc tặng quà và nhận quà tặng của CBCCVC; thực hiện kê khai, xác minh, giải trình về tài sản, thu nhập của CBCCVC; thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để

xảy ra tham nhũng; thực hiện cải cách hành chính, đổi mới công nghệ và phương thức thanh toán.

Ba là, thực hiện các biện pháp phát hiện tham nhũng.

Thực hiện công tác kiểm tra hành chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng, kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan thanh tra, điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Các cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, điều tra, Việc kiểm sát, Tòa án thông qua hoạt động của mình chủ động phát hiện tham nhũng xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân thông qua hoạt động giám sát có trách nhiệm phát hiện hành vi tham nhũng, yêu cầu hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để đảm bảo cho công dân tố cáo trực tiếp, gửi đơn tố cáo, tố cáo qua điện thoại, qua mạng thông tin điện tử và các hình thức khác. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi nhận được tố cáo hành vi tham nhũng phải xem xét và xử lý theo thẩm quyền, giữ bí mật thông tin về người tố cáo, áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo khi có biểu hiện đe dọa, trả thù hoặc khi người tố cáo yêu cầu; khen thưởng về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật đối với người tố cáo trung thực, tích cực công tác với cơ quan có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tham nhũng.

Các cơ quan thanh tra, điều tra, Viện kiểm sát khi nhận được tố cáo về hành vi tham nhũng phải xử lý theo thẩm quyền.

Bốn là, thực hiện các biện pháp xử lý tham nhũng.

- Tổ chức thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền đối với người có hành vi tham nhũng.

“Người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp bị kết án về hành vi tham nhũng và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì phải bị buộc thôi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân”³¹.

³¹ Luật Thanh tra 2010

- Tổ chức thực hiện việc xử lý tài sản tham nhũng: Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi, tịch thu tài sản tham nhũng; trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước.

Thứ ba, giám sát, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN.

Cơ quan thanh tra có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng thì đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý; xây dựng hệ thống dữ liệu chung về PCTN.

Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát công tác PCTN trong phạm vi cả nước. Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát công tác PCTN tại địa phương.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên truyền các quy định pháp luật về PCTN; kiến nghị các biện pháp nhằm phát hiện, phòng ngừa tham nhũng, động viên nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng; giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN.

Các cơ quan báo chí có trách nhiệm biểu dương tinh thần và những việc làm tích cực trong công tác PCTN; lên án, đấu tranh với người có hành vi tham nhũng; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN.

1.3. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam

1.3.1. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới

Pháp luật của Đan Mạch về phòng, chống tham nhũng

Đan Mạch xếp hạng nhất với 91 điểm. Hệ thống chính quyền ở Đan Mạch từ Trung ương đến địa phương dành được sự tin tưởng vô cùng lớn từ công chúng, với nền pháp luật nghiêm minh, hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động an sinh xã hội cùng với hệ thống tài chính minh bạch, chặt chẽ. Đây là quốc gia ít tham nhũng nhất tại Châu Âu cũng như trên toàn thế giới.

Từ năm 1660, quốc vương Frederik III đã ban hành sắc lệnh nghiêm trị các quan chức phạm tội tham nhũng, nhận hối lộ, gian lận, làm giả chứng từ. Sự kiên quyết của nhà vua đã làm giảm được tình trạng tham nhũng trong quản lý và sau một thời gian áp dụng thì trở thành khuôn khổ cho cả vương quốc (Vương quốc Đan Mạch - Na Uy, từ năm 1524- 1814 bao gồm Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển).

Cái hay là người dân Đan Mạch đã biết phát huy truyền thống này. Trẻ em từ khi biết nói đã được người lớn dạy là không được chạm vào bất cứ thứ gì không

phải của mình và tôn trọng pháp luật. Tại các vùng ngoại ô, nông thôn, người ta vẫn có thói quen đặt những sạp hàng bên đường hay trước cổng, bày bán trái cây, hoa tươi, mật ong... mà không cần người trông coi.

Người mua cứ tự động bỏ tiền vào hộp theo giá niêm yết (tùy tổng giá trị hàng hóa mà địa phương sẽ quyết định có thu thuế hay không).

Đối với công chúng cũng như báo chí Đan Mạch thì sự minh bạch không có ngoại lệ. Điển hình như nữ hoàng Margrethe đệ nhị, tuy được đại đa số thần dân tôn kính nhưng báo chí vẫn “soi” rất kỹ các khoản chi tiêu của bà và các thành viên hoàng gia.

Trong kỳ bầu cử quốc hội tháng 6- 2015, Liên minh các đảng Dân chủ xã hội, Cấp tiến và Nhân dân xã hội của bà Helle Thorning- Schmidt, nữ thủ tướng đầu tiên của Đan Mạch (2011- 2015), đã thất bại. Bà Thorning- Schmidt phải từ chức chủ tịch Đảng Dân chủ xã hội. Một trong những nguyên nhân là bà có một số vấn đề cá nhân, mà ồn ào nhất là chuyện nộp thuế thu nhập của chồng bà - ông Stephen Kinnock.

Pháp luật của Trung Quốc về phòng, chống tham nhũng

Trong những năm gần đây, với những nỗ lực không ngừng của Đảng và Chính phủ, công cuộc phòng, chống tham nhũng của Trung Quốc đã đem lại nhiều kết quả. Điều này được thể hiện rất rõ thông qua sự tăng lên của chỉ số CPI của Trung Quốc qua từng năm. Năm 2015 đạt 39/100 điểm xếp thứ 100/175 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trung Quốc hiện đang được đánh giá là một trong những quốc gia có chính sách chống tham nhũng rất mạnh mẽ và cương quyết.

Các biện pháp phòng, chống tham nhũng có hiệu quả của Trung Quốc cần nghiên cứu học tập:

Một là, phòng ngừa sự xung đột giữa lợi ích riêng và lợi ích chung.

Đây là việc đề ra và thực hiện các quy định nhằm giúp công chức tránh được tình trạng phải đối đầu với xung đột giữa lợi ích riêng và lợi ích chung (nói cách khác là làm cho công chức không có cơ hội lợi dụng vị trí công tác của mình nhằm thu lợi riêng gây thiệt hại đến lợi ích chung). Theo đó, Trung Quốc quy định: cán bộ khi rời chức vụ lãnh đạo hoặc nghỉ hưu thì trong vòng 3 năm sau đó, không được kinh doanh ở những lĩnh vực có liên quan đến công việc trước đây mình phụ trách; vợ (hoặc chồng), con cán bộ lãnh đạo không được kinh doanh ở các lĩnh vực do chồng (hoặc vợ), cha mẹ mình quản lý. Từ năm 1997, Trung Quốc đã giải tán các cơ sở kinh doanh trong công an, quân đội, hải quan nhằm tránh lợi dụng quyền lực để tham nhũng.

Hai là, quy định về việc kê khai tài sản của công chức.

Tất cả công chức ở mọi vị trí đều phải kê khai tài sản của mình mỗi năm hai lần. Tất cả các nguồn thu nhập từ các nguồn khác nhau đều phải được kê khai đầy đủ. Cán bộ lãnh đạo phải kê khai rõ các khoản như: tiền tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, đồ dùng có giá trị trên 10.000 nhân dân tệ (khoảng 19 - 20 triệu đồng Việt Nam), ô tô, nhà riêng, đất đai, tranh cổ quý hiếm... Ủy ban Kiểm tra và Kỷ luật của Đảng và Bộ Giám sát của Chính phủ theo dõi, giám sát việc kê khai và xem xét, xử lý những trường hợp có tài sản bất minh. Công chức không giải thích được nguồn gốc tài sản của mình thì bị coi là tham ô.

Ba là, xem xét cả đơn thư nặc danh để phát hiện tham nhũng.

Trung Quốc cho rằng, hiện nay pháp luật Trung Quốc chưa hoàn thiện, người tố cáo còn bị đe dọa, do đó cho phép người tố cáo được giấu tên và chấp nhận thư nặc danh. Trong thực tế, “Trung Quốc có khoảng 60% đơn thư tố cáo là thư nặc danh và trong số đó có rất nhiều thông tin chính xác về tham nhũng. Theo một tài liệu của Ủy ban Kiểm tra và Kỷ luật Đảng Cộng sản Trung Quốc thì những năm gần đây, 80% các vụ án lớn ở nước này được xử lý là do nhân dân tố cáo”.

Bốn là, xử lý nghiêm khắc các phần tử tham nhũng.

Trung Quốc cho rằng, việc áp dụng các hình phạt nghiêm khắc dành cho những cá nhân có hành vi tham nhũng sẽ là một công cụ hữu hiệu để trừng phạt những người vi phạm cũng như để răn đe, giáo dục các thành viên khác trong xã hội không tham nhũng. Theo quy định của pháp luật Trung Quốc, người thực hiện hành vi tham nhũng bị xử lý rất nghiêm khắc (Tham ô từ 50.000 nhân dân tệ trở lên, gây ảnh hưởng xấu đến chính trị, xã hội sẽ bị phạt tử hình).

Đáng chú ý là, BLHS của Trung Quốc còn quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong các tội về tham nhũng chứ không chỉ có trách nhiệm của cá nhân người phạm tội. Theo đó, cơ quan, tổ chức có người phạm tội về tham nhũng sẽ bị phạt tiền. Đồng thời, BLHS cũng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người trực tiếp lãnh đạo, quản lý công chức có hành vi tham nhũng.

Năm là, xây dựng cơ quan chống tham nhũng theo mô hình “một nhà, hai cửa”

Trung Quốc đã kết hợp giữa cơ quan chống tham nhũng của Đảng (Ủy ban Kiểm tra và Kỷ luật) với cơ quan chống tham nhũng của Nhà nước (Bộ Giám sát và Cục Điều tra tội phạm tham nhũng thuộc Viện Kiểm sát). Bộ trưởng Bộ Giám sát (tương đương với Tổng Thanh tra Chính phủ của Việt Nam) đồng thời là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra và Kỷ luật của Trung ương Đảng. Sự kết hợp giữa cơ quan chống tham nhũng của Đảng và cơ quan chống tham nhũng của Nhà nước được thể hiện trong cả tổ chức và hoạt động, được Trung Quốc gọi là mô hình “một nhà, hai cửa”. Mô hình này vừa xử lý được các tổ chức đảng và đảng viên, vừa xử lý được

các cơ quan nhà nước và công chức nhà nước tham nhũng. Các cấp hành chính ở địa phương cũng có mô hình tương tự.

Bây là, phát triển chính phủ điện tử.

Mặc dù chính phủ điện tử là một biện pháp chống tham nhũng mới được áp dụng ở Trung Quốc nhưng các nhà lãnh đạo của quốc gia này cho rằng, chính phủ điện tử là một yếu tố quan trọng của cải cách hành chính và là một cách thức hiệu quả để tăng hiệu quả và trách nhiệm giải trình. “Các trang web của Chính phủ trung ương có chứa các liên kết đến tất cả các chính quyền cấp tỉnh và thành phố. Trung Quốc có khoảng 100.000 công thông tin web của Chính phủ”.

Pháp luật của Singapore về phòng, chống tham nhũng

Singapore là một trong những quốc gia nổi tiếng về sự minh bạch của Chính phủ, có hệ thống tư pháp hoàn thiện nhất Châu Á, với việc áp dụng những biện pháp trừng phạt nghiêm khắc những hành vi hối lộ, tham nhũng, đồng thời ngăn ngừa và răn đe những kẻ có ý định tham nhũng. “*Chiến lược của quốc gia này là trả lương cao cho các quan chức để họ hài lòng với công việc và tham gia tích cực vào cuộc chiến chống tham nhũng*”. Có được kết quả này là do các yếu tố sau:

Một là, ý chí, quyết tâm mạnh mẽ của các nhà lãnh đạo Singapore trước cuộc chiến chống tham nhũng.

Sau khi độc lập, nhà nước Singapore phải đối mặt với nhiều thử thách khó khăn, trong đó tham nhũng là một vấn đề khá nghiêm trọng, trở thành một nguy cơ đe dọa uy tín của đảng cầm quyền.

Năm 1979, ông Lý Quang Diệu, đương kim Thủ tướng của Singapore đã phát biểu: Một khi những nhà lãnh đạo chủ chốt kém liêm khiết, không nghiêm khắc đòi hỏi những chuẩn mực cao, lúc đó cấu trúc toàn vẹn của hệ thống hành chính sẽ yếu đi và cuối cùng nó sẽ sụp đổ. Singapore chỉ có thể tiếp tục tồn tại nếu như các bộ trưởng và viên chức cao cấp đều liêm khiết và làm việc hiệu quả... Có thể thấy, lời phát biểu của ông Lý Quang Diệu khi đó đã thể hiện nhận thức chung của Đảng hành động nhân dân (PAP) và chính phủ Singapore rằng: Vị trí, vai trò của đảng cầm quyền và các nhà lãnh đạo đất nước phải được chứng minh, được thể hiện bằng chính đạo đức của họ mà phẩm chất cần thiết trước hết là sự liêm khiết. Dựa trên cơ sở của ý chí và quyết tâm chính trị đó mà chính phủ Đảng PAP đã đưa ra một trong những nguyên tắc hướng dẫn cho giới quan chức là: “*Giữ mình trong sạch và không nhận hối lộ*”.

Từ kinh nghiệm chống tham nhũng trong lịch sử và hiện tại ở Singapore, người ta có thể nêu ra một định đề là: Nếu những người lãnh đạo không giữ được mình trong sạch thì cuộc đấu tranh chống tham nhũng sẽ không bao giờ thành công.

Những người lãnh đạo phải thể hiện được đức thanh liêm của mình thì xã hội mới tin được là họ có ý chí và quyết tâm chính trị trung thực, mạnh mẽ trong cuộc chiến chống tham nhũng. Đó chính là yếu tố tiên quyết đầu tiên mang tính đột phá, dẫn dắt và chỉ đạo hành động chống tham nhũng có tính chất nhất quán và đạt hiệu quả trên thực tế.

Hai là, tăng cường hệ thống luật pháp và chú trọng tăng cường mức độ hình phạt đối với hành vi tham nhũng.

Tuy đã ban hành Luật Phòng chống tham nhũng, nhưng ở Singapore, Luật này thường được xem xét lại nhằm bảo đảm kẻ phạm tội tham nhũng không thể thoát khỏi sự trừng phạt của luật pháp. Đó là một quan điểm biện chứng, thể hiện cách nhìn hiện thực và nhằm mục đích hoàn thiện pháp luật, làm các quy định pháp luật tương thích với thực tế cuộc sống luôn vận động, phát triển. Chẳng hạn như:

“- Cho toà án quyền ra lệnh kẻ phạm tội phải trả một số tiền tương đương với số tiền hối lộ đã nhận ngoài việc trừng phạt dưới hình thức phạt tiền và/hoặc ngồi tù.

- Cho điều tra viên quyền yêu cầu viên chức nhà nước đang bị điều tra phải cung cấp lời khai có tuyên thệ nêu rõ các tài sản mà bản thân người này, vợ/chồng và con cái có sở hữu.

- Cho toà án quyền công nhận rằng sự giàu có không tương xứng với thu nhập là bằng chứng vững chắc bổ sung.

- Công dân Singapore có thể bị trừng phạt vì những hành vi tham nhũng ở ngoài lãnh thổ Singapore và sẽ bị xử lý như thể hành vi này đã được thực hiện tại Singapore”.

1.3.2. Giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Từ pháp luật của một số quốc gia trên thế giới có thể rút ra những bài học kinh nghiệm Việt Nam nói chung và ở tỉnh Việt Nam nói riêng trong phòng, chống tham nhũng, cụ thể như sau:

Một là, làm cho công chức không dám tham nhũng.

Ở Singapore, khi một người được tuyển vào làm công chức, quan chức nhà nước thì hàng tháng phải trích một phần tiền lương để gửi tiết kiệm. Thoạt đầu trích 5%, sau tăng dần. Người có chức vụ cao, thì phần trăm trích gửi tiết kiệm càng lớn, có thể lên đến vài chục phần trăm lương tháng. Số tiền này do nhà nước quản lý. Bất kỳ công chức nào, quan chức nào phạm tội tham nhũng dù nhẹ ở mức xử phạt ra khỏi ngạch công chức thì toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm bị trưng thu xung công quỹ.

Hai là, làm cho công chức không thể tham nhũng. Chính phủ Singapore quy định: mỗi năm công chức, viên chức, quan chức phải khai báo một lần với nhà nước

về tài sản của bản thân hoặc của vợ (chồng) bao gồm: tiền thu nhập, tiền gửi tiết kiệm, tiền cổ phiếu, đồ trang sức, ô tô, nhà cửa... Những tài sản tăng lên so với năm trước phải khai rõ nguồn gốc, cái gì không rõ nguồn gốc được coi là tham ô, tham nhũng. Nhà nước có quy định: Quan chức Chính phủ không được phép nợ nần, không được vay một khoản tiền lớn vượt quá ba tháng lương.

Ở Trung Quốc, nếu công chức không giải thích được nguồn gốc tài sản của mình thì bị coi là tham ô.

Ba là, làm cho công chức không cần tham nhũng. Singapore có chế độ trả lương chênh lệch khá cao giữa quan chức cấp cao với cấp thấp và với công chức, giữa công chức với nhân viên, công nhân. Với mức lương cao, quan chức đủ sống và chu cấp cho gia đình mà không cần tham nhũng.

Bốn là, làm cho công chức không muốn tham nhũng. Ở Singapore muốn tham nhũng một thứ gì, dù rất nhỏ, cũng rất phiền hà, phức tạp. Ví dụ, khi khách nước ngoài đến, nếu họ muốn tặng quà cho các quan chức nước chủ nhà để cảm ơn về sự đón tiếp nồng hậu và để thắt chặt mối quan hệ thì món quà đó phải mang ý nghĩa văn hóa với giá trị vật chất rất thấp. Nếu nhận quà phải báo với lãnh đạo cơ quan xem xét. Giá trị của quà tặng lớn phải nộp cho cơ quan quản lý quà biếu để xung công quỹ.

Năm là, thông qua chính sách truyền thông, Nhà nước làm cho các nhà chính trị và quan chức cao cấp hình thành nên nhận thức về đạo đức rằng, mọi người sẽ không bao giờ tha thứ cho tội tham nhũng, người có tội sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, trừng trị cả những ai bao che dung túng người tham nhũng bất kể người đó là ai. Thói quen đạo đức này đã tạo ra ý chí rất mạnh trong công tác phòng, chống tham nhũng. Do đó các cơ quan điều tra chống tham nhũng không bao giờ bị ngăn cản trong quá trình điều tra những vụ án tham nhũng, và lại cũng không có khái niệm "vùng cấm" trong đấu tranh chống tham nhũng.

Sáu là, đề cao quyết tâm chính trị của người đứng đầu chính trị thông qua sự ủng hộ thành lập cơ quan chuyên trách chống tham nhũng có đủ sức mạnh. Đây là bài học rất thành công ở Singapore và Trung Quốc. Đồng thời, việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các đơn vị trong tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động từ lãnh đạo đến cán bộ, công chức, nhân dân trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng là kinh nghiệm của cả ba nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chống tham nhũng.

Bảy là, tập trung xử lý thông tin do nhân dân thông báo về hiện tượng tham nhũng, giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo, nhất là đơn thư tố cáo hành vi tham

những, lãng phí tốn đong, kéo dài; xem xét, xác minh cả những đơn thư tố cáo nặc danh; kịp thời giải quyết các vụ việc phát sinh, không để xảy ra tình trạng nhân dân mất lòng tin vào quyết tâm chống tham nhũng của nhà nước.

Tám là, thu hút các nhân viên xuất sắc vào công việc chống tham nhũng. Đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận, nâng cao chất lượng công tác tham mưu và hiệu quả công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức chống tham nhũng. Tăng cường công tác bảo vệ hợp lý cán bộ và nhân dân tham gia chống tham nhũng.

Chín là, tăng cường phối hợp hoạt động giữa Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng của Trung ương với các cơ quan chống tham nhũng của địa phương nhằm giám sát phòng ngừa sai phạm; nâng cao chất lượng trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng theo đúng quy định của pháp luật.

Mười là, tiếp tục chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các cấp chính quyền trong quá trình thực thi chức trách, nhiệm vụ được giao; thực hiện nghiêm chế độ kiểm soát nội bộ trong các cơ quan hành chính; phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các cấp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Mười một là, kịp thời khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; kiên quyết xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng; công báo công khai kết quả xử lý các đối tượng, vụ việc tham nhũng để tăng cường công tác giáo dục, răn đe, phòng ngừa.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong phạm vi của Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về PCTN. Cụ thể đã nêu các khái niệm cơ bản như: tham nhũng; PCTN; pháp luật PCTN. Thông qua các luận cứ, tác giả cũng làm sáng tỏ các quy định của pháp luật về PCTN, từ đó làm nền tảng lý luận khẳng định rằng pháp luật về PCTN là cơ sở pháp lý quan trọng để đấu tranh PCTN; công tác PCTN là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, cần phải có quyết tâm chính trị của người đứng đầu, sự tham gia của toàn xã hội.

Trong chương này tác giả đã tìm hiểu một số vấn đề lý luận pháp luật về PCTN và tổ chức thực hiện pháp luật PCTN. Đồng thời cũng đã nêu ra những kinh nghiệm của một số nước khác để rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu về xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật PCTN ở Việt Nam.

Tất cả những căn cứ trên làm nên hệ thống cơ sở lý luận để tiến hành nghiên cứu pháp luật về PCTN. Đồng thời làm tiền đề để phân tích, đánh giá thực trạng của Chương 2 cũng như đưa ra được yêu cầu và đề xuất giải pháp, kiến nghị trong Chương 3 của khóa luận này.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG HIỆN NAY

2.1. Thực trạng pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực luôn được Đảng, Nhà nước ta xác định là công việc khó khăn, phức tạp; đụng chạm đến nhiều người, thậm chí mất đi những cán bộ từng giữ chức vụ cao, từng có công lao đóng góp nhất định... tuy nhiên, nếu đã thoái hóa về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm nghiêm trọng đến kỷ luật của Đảng thì đều phải cương quyết xử lý, *“bất kể người đó là ai”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”*. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *“Đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã trở thành phong trào, thành xu hướng không thể đảo ngược, được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đánh giá cao, bạn bè quốc tế ghi nhận”*. Đồng thời, xác định là nhiệm vụ lâu dài, nên Đảng ta luôn kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Đặc biệt, từ năm 2013 khi Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được thành lập trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Trưởng ban, thì công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được tiến hành quyết liệt, ráo riết, đạt được nhiều kết quả toàn diện. Để công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục đi vào chiều sâu, toàn diện, từ tháng 9/2021, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được Bộ Chính trị quyết định bổ sung chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trọng tâm là chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Với quan điểm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là: *“Trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt”* và *“Tiền hô hậu ủng, nhất hô bá ứng”*. Nhằm hệ thống hóa quan điểm chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Bộ Chính trị đã quyết định cho tiến hành từng bước thành lập các Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy làm trưởng ban, đã góp phần gắn kết chặt chẽ hơn giữa phòng và chống theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Đảng đề ra từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba, khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Từ khi được thành lập đi vào hoạt động, các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã có sự chuyển biến rõ rệt, với nhiều kết quả nổi bật trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Cụ thể, tính từ tháng 8/2022 đến nay, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh đã

tổ chức hàng trăm cuộc họp, qua đó chỉ đạo, rà soát, quyết định đưa 327 vụ án, 179 vụ việc tham nhũng tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm trên địa bàn vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo.

Mặt khác, trước đây công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chủ yếu tập trung vào các hành vi tham ô, chiếm đoạt, nhận hối lộ, đưa hối lộ, làm thất thoát tài sản nhà nước. Nay không chỉ trong khu vực nhà nước mà còn mở rộng ra cả khu vực ngoài nhà nước. Điển hình như các vụ án, vụ việc tại Công ty Nhật Cường - Mobile; vụ án tại Tập đoàn FLC, Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Công ty Việt Á, AIC... đây là những công ty tư nhân lớn đã cố tình “móc ngoặc” với một số cán bộ có chức vụ, quyền hạn để hưởng lợi, “tư túi”, chiếm đoạt tài sản; làm lũng loạn thị trường chứng khoán, gây thiệt hại tài sản lớn cho Nhà nước và người dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XI, Nghị quyết Trung ương lần thứ tư và Kết luận Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, cũng như nhiều văn bản khác của Đảng và Nhà nước đều khẳng định phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ rất quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu phải gương mẫu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Có thể nói, những năm qua ngoài những cơ quan chức năng chuyên trách, thì các cơ quan, đơn vị, trong đó nổi bật là Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan thông tấn báo chí và toàn thể Nhân dân luôn tích cực, chủ động trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt, chính những phát hiện, tố giác của quần chúng nhân dân và cơ quan báo chí mà những vụ việc tham nhũng, tham ô, tiêu cực được điều tra và khởi tố. Do đó, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thực sự đã trở thành phong trào, công việc chung của toàn xã hội, chứ không phải việc riêng của các cơ quan chức năng³².

Qua điều tra xã hội học về nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân, đại đa số người dân rất đồng tình, ủng hộ cao cách làm quyết liệt, triệt để, khoa học, thận trọng từng bước khi phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các cá nhân, tổ chức có dấu hiệu vi phạm, để không bỏ sót, bỏ lọt đối tượng, tránh oan sai... điều này cho thấy sự đồng thuận, đặt niềm tin rất lớn của người dân vào quyết tâm làm trong sạch bộ máy nhà nước; quyết tâm diệt trừ tận gốc tệ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

³² Nguyễn Phú Trọng – *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb CTQGST, H. 2023, tr. 29.

Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự điều hành của Chính phủ, sự giám sát của Quốc hội, MTTQ và các tổ chức đoàn thể, sự vào cuộc của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, sự ủng hộ của Nhân dân, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được triển khai đồng bộ, toàn diện và có sự chuyển biến tích cực, rõ nét; tổ chức và cơ chế lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục được hoàn thiện. Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án tham nhũng được tăng cường; công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, số vụ việc, vụ án được phát hiện, xử lý tăng hơn so với trước. Việc phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, cơ quan báo chí và Nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng được chú trọng hơn. Cụ thể, trong 10 năm (2012 - 2022), “đã xử lý kỷ luật 2.740 tổ chức đảng và hơn 167.700 cán bộ, đảng viên, trong đó có hơn 190 cán bộ diện Trung ương quản lý (có 04 Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; 36 Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương; hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang); qua thanh tra, kiểm tra, kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 44.700 tập thể, cá nhân, chuyển cơ quan điều tra, xử lý gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm”. Cùng với đó, công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế cũng được tiến hành một cách kiên quyết, không khoan nhượng. Cũng trong 10 năm qua, “các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra 19.546 vụ/33.868 bị can, truy tố 16.699 vụ/33.037 bị can; xét sơ thẩm 15.857 vụ/30.355 bị cáo về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế; khởi tố, điều tra 2.657 vụ/5.841 bị can, truy tố 2.628 vụ/6.199 bị can, xét sơ thẩm 2.439 vụ/5.647 bị cáo về tội tham nhũng. Tính riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã khởi tố, điều tra 4.200 vụ/7.572 bị can về tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế, trong đó có 455 vụ/1.054 bị can về tội tham nhũng”³³. Kết quả đó khẳng định chủ trương, quyết tâm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là hoàn toàn đúng cả về lý luận và thực tiễn, phù hợp với thực tiễn khách quan, xu thế thời đại và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Để có được phong trào phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sôi nổi, rộng khắp, trở thành công việc không của riêng ai và đạt nhiều kết quả như thời gian qua, phải kể đến vai trò rất quan trọng của sự lãnh đạo, chỉ đạo nhất quán và quyết liệt của Đảng, Nhà nước, cơ quan chức năng, sự vào cuộc của các lực lượng xã hội, đặc biệt là báo chí truyền thông, MTTQ Việt Nam từ Trung ương đến các cấp. Với nhiệm vụ,

³³Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG (2023), *Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực - quyết tâm chính trị không thể đảo ngược của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng, <http://tapchiquptd.vn/vi/phong-chong-dbh-b-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-quyet-tam-chinh-tri-khong-the-dao-nguoc-cua-dang-cong-san-viet-nam/20574.html>

chức năng của MTTQ Việt Nam là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị, có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; góp phần gắn kết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Thời gian qua, MTTQ các cấp đã làm khá tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề, đột xuất và liên thông giữa bốn cấp để ghi nhận, tổng hợp những ý kiến đóng góp, phản ánh của người dân để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết... Điều này thể hiện vai trò rất quan trọng của MTTQ Việt Nam trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, nhất là trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đại diện cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và dân tộc, lấy phục vụ nhân dân là mục tiêu cao nhất của mọi hành động cách mạng. Vì thế, *“mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”*. Tuy nhiên, bất cứ một đảng cầm quyền nào, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, nếu không có cơ chế, biện pháp kiểm soát, quản lý chặt chẽ đều có thể dẫn đến tham nhũng, quan liêu, suy thoái, biến chất làm mất vai trò lãnh đạo, cầm quyền. Do vậy, để giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, để Đảng thực sự là *“của dân”, “vì dân”, Đảng “phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị”*. Đây là vấn đề rất quan trọng, then chốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Hiện nay, ở nước ta, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực do Đảng phát động, lãnh đạo thực sự *“đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược”*, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; đồng thời bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, phản động, chống đối. Để chống tham nhũng, tiêu cực ngày càng hiệu quả, mới đây, trong bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022 (tại Hà Nội ngày 30/6/2022), đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá toàn diện

công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, đồng thời đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới³⁴.

Nhìn lại chặng đường 10 năm kể từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã *“đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần củng cố, nâng cao ý chí, niềm tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho đất nước ta ngày càng giàu mạnh, ngày càng phát triển, có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế”*³⁵.

Chúng ta đều rõ, tham nhũng được coi là "khuyết tật bẩm sinh" của quyền lực, là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Ở thời đại nào, chế độ nào, quốc gia nào cũng tồn tại tham nhũng, song không thể xóa bỏ nhanh chóng trong một thời gian ngắn mà cần phải đấu tranh kiên quyết, kiên trì, bền bỉ, thường xuyên. Gần đây, lợi dụng việc Đảng ta đẩy mạnh công cuộc chống tham nhũng, xử lý hình sự một số cán bộ cấp cao của Đảng, có quan điểm cho rằng, nếu “quá tập trung vào chống tham nhũng sẽ làm "nhụt chí," "chùn bước" những người dám nghĩ, dám làm, làm "chậm" sự phát triển đất nước”. Đây là biểu hiện của sự nhận thức nông cạn, thiếu suy nghĩ chín chắn. Bởi tham nhũng thực sự là một nguy cơ, vấn nạn, nếu không được ngăn chặn, loại bỏ kịp thời sẽ làm thiệt hại cho nền kinh tế, phá vỡ chiến lược và kế hoạch phát triển, gây thiệt hại vật chất rất lớn cho Nhà nước và người dân; làm suy thoái đạo đức, lối sống trong hàng ngũ lãnh đạo, gây ra sự bất bình, bức xúc trong dư luận xã hội và nghiêm trọng hơn là làm xói mòn, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ, gián tiếp tiếp tay cho những thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Có thể nói, tham nhũng như một loại dịch bệnh nguy hiểm có thể phá vỡ bất kỳ thể chế chính trị nào. Một đảng cầm quyền còn dễ xảy ra tham nhũng thì nguy cơ đánh mất quyền lực là hiện hữu. Đây là bài học xương máu đã được lịch sử đúc rút, kể cả những nước đã từng là thành trì của chủ nghĩa xã hội. Thậm chí, nếu để tham nhũng tràn lan thì những cán bộ, đảng viên trong sáng, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc sẽ không còn động lực để phấn đấu, cống hiến, hy sinh vì lợi ích chung. Bởi vậy,

³⁴ Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 16-5-2021

³⁵ Nguyễn Phú Trọng: “Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Nhìn lại 10 năm qua; định ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới”, <https://www.vietnamplus.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc/801297.vnp>, ngày 30/6/ 2022.

đấu tranh phòng, chống tham nhũng là một tất yếu, là vấn đề sinh tử, sống còn, cấp bách của bất kỳ một đảng cầm quyền nào nếu không muốn từ bỏ vị trí lãnh đạo của mình. Với tinh thần ấy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực càng không phải là “đấu tranh phe cánh” hay “đấu đá nội bộ” như một số người xuyên tạc, mà nhằm: “góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đặc biệt là góp phần lấy lại và củng cố niềm tin của nhân dân, bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực xấu, thù địch, chống đối...”.

Như vậy, mục đích chống tham nhũng, tiêu cực, thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên là rất rõ ràng. Bởi tham nhũng thường diễn ra ở những người có chức, có quyền, do tha hóa quyền lực mà gây tổn hại nhiều mặt đến đời sống xã hội, thậm chí vi phạm quyền con người. Vì vậy, thái độ trong chống tham nhũng là phải *“thật kiên quyết, không khoan nhượng và hành động thật quyết liệt, cụ thể, hiệu quả”*.

Trong thời gian qua, công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lãnh đạo, chỉ đạo đã đạt được những kết quả tích cực: Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã được Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bài bản, ngày càng đi vào chiều sâu, có bước tiến mạnh, đạt nhiều kết quả cụ thể, rất quan trọng, toàn diện, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, và thực sự “đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược”, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao, được bạn bè quốc tế ghi nhận”. Kết quả điều tra dư luận xã hội do Ban Tuyên giáo Trung ương tiến hành mới đây cho thấy: *“tuyệt đại đa số ý kiến của người dân (93%) bày tỏ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; khiến cho mọi sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực xấu, thù địch đều trở nên trơ trẽn, nực cười”*.

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những kết quả đạt được

Một là, các quy định về phòng, chống tham nhũng về cơ bản đã đầy đủ, thể hiện rõ chủ trương, giải pháp, quy định mới, mạnh mẽ và quyết liệt về xây dựng chính đôn Đảng. Nhiều quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, chính đôn Đảng, quản lý kinh tế - xã hội, phòng, chống tham nhũng được ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc, vừa để giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn vừa là căn cứ để phát hiện, xử lý tiêu cực, tham nhũng.

Hai là, công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán được tăng cường, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh nhiều sai phạm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước, góp phần đắc lực nâng cao hiệu quả công tác phòng,

chống tham nhũng. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; tập trung vào đối tượng, lĩnh vực, địa bàn phức tạp, dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, những vấn đề bức xúc mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm.

Ba là, đề phòng, chống tham nhũng, Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt. Qua đó, nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp đã được phát hiện và đưa ra xét xử nghiêm minh theo đúng các quy định của pháp luật, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ, đánh giá cao; nhiều quan chức cấp cao, kể cả thuộc diện Trung ương quản lý cũng chịu hình phạt nghiêm khắc của pháp luật.

Bốn là, công tác cán bộ, cải cách hành chính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt kết quả tích cực. Công tác cán bộ có nhiều đổi mới, dân chủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, cục bộ, địa phương, “lợi ích nhóm” đã giảm; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cải cách tiền lương; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; thực hiện các biện pháp về minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; đổi mới khoa học công nghệ quản lý và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt nhằm phòng ngừa tham nhũng...

Năm là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đấu tranh phòng, chống tham nhũng với nhiều hình thức, như tuyên truyền, phổ biến, giáo dục có nhiều đổi mới, vai trò tích cực của các cơ quan truyền thông, báo chí trong phòng, chống tham nhũng ngày càng được khẳng định và phát huy.

Sáu là, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phòng, chống tham nhũng ngày càng phát huy hiệu quả. Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội tăng cường giám sát công tác phòng, chống tham nhũng; Hội đồng nhân dân các cấp đã quan tâm nhiều hơn về giám sát công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương.

Bảy là, hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng được tăng cường, đạt kết quả tích cực; hoạt động phòng, chống tham nhũng từng bước được mở rộng ra khu vực ngoài nhà nước. Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều hiệp định tương trợ tư pháp; Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung 04 tội danh về tham nhũng đối với khu

vực ngoài nhà nước; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 dành một chương riêng về hoạt động phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước.

2.3.2. Những vấn đề còn hạn chế và nguyên nhân

Sau hơn 30 năm đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới, vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta cũng phải đối mặt, thậm chí đã mắc phải một số yếu kém, khuyết điểm, trong đó, nạn tham nhũng có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp, nặng nề hơn. Việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở nước ta gần đây có một số hạn chế, bất cập sau:

Một là, hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế, không ít văn bản pháp luật đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa thể áp dụng vì chưa có văn bản hướng dẫn; văn bản pháp luật còn quy định chung chung. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước còn những điểm chưa hợp lý; Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế; Thủ tục hành chính còn rườm rà, tốn kém, bất hợp lý tạo cơ hội để những người thoái hóa biến chất lợi dụng tham nhũng.

Hai là, việc kiểm tra, giám sát từ bên trong bộ máy nhà nước để phát hiện tham nhũng vẫn đang là khâu yếu, chưa phát huy hết tác dụng; chế tài xử lý vi phạm thiếu chặt chẽ, rõ ràng, còn nhiều sơ hở. Việc kê khai tài sản, thu nhập còn nặng về hình thức; hầu hết các bản kê khai chưa được kiểm tra, xác minh, kiểm chứng; chưa giúp cho các cơ quan chức năng kiểm soát được những biến động về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; nhiều cơ quan, đơn vị chưa nắm đầy đủ trình tự, thủ tục kê khai và công khai giải trình.

Ba là, "công tác cán bộ có nơi có lúc bị buông lỏng, chưa có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém, uy tín thấp". Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý kinh tế còn yếu về nghiệp vụ, kinh nghiệm và phẩm chất đạo đức. Một số cán bộ, công chức lợi dụng quy định về bí mật nhà nước để che giấu thông tin, nhằm mục đích tham nhũng.

Bốn là, một số người đứng đầu chưa nêu cao vai trò của mình trong phòng, chống tham nhũng. Quy chế dân chủ ở cơ sở, ở cơ quan xí nghiệp, đơn vị, xã, phường, thị trấn cần tiếp tục hoàn thiện vì chế tài vẫn chưa rõ, khó quy trách nhiệm và xử phạt khi sai phạm xảy ra.

Năm là, hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, phức tạp, vì vậy việc phát hiện và xử lý tham nhũng gặp nhiều khó khăn. Việc xử lý và thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, tham nhũng còn gặp rất nhiều khó khăn do một số nguyên nhân như: bị can, bị

cáo trốn ra nước ngoài, hoặc bị can, bị cáo chết, hoặc chưa kiểm soát được tài sản, thu nhập của xã hội nên tài sản có nguồn gốc tham nhũng dễ dàng bị tẩu tán. Một số vụ án tiền, tài sản tham nhũng thu hồi được nhỏ hơn nhiều so với tổng số thiệt hại do các đối tượng chiếm đoạt.

Sáu là, "mặc dù cơ chế bảo vệ người tố giác đấu tranh phòng chống tham nhũng đã được pháp luật quy định, tuy nhiên trên thực tế hiện tượng trù dập, trả thù hoặc đe dọa trả thù vẫn xảy ra khiến người tố cáo tham nhũng lo ngại, không dám đấu tranh".

Bảy là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng chưa được thực hiện thường xuyên để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, của người dân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Qua phân tích thực trạng pháp luật về PCTN và tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam cho thấy: kết quả PCTN có nhiều chuyển biến tích cực, các giải pháp về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng đều được triển khai thực hiện; đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn; tài sản của cán bộ công chức đã được kê khai hàng năm; một số vụ án tham nhũng đã được xử lý theo quy định của pháp luật...

Tuy nhiên, công tác PCTN chưa đạt được mục tiêu “ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí”. Việc ban hành các quy định để triển khai thực hiện pháp luật về PCTN còn ít chưa đáp ứng yêu cầu; việc công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công khai tài sản, thu nhập của CBCCV còn mang tính hình thức, việc xác minh các bằng kê khai tài sản chưa được chú trọng do vậy không kiểm soát thu nhập của người kê khai; phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn rất ít so với thực tế; sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phát hiện và xử lý tham nhũng chưa chặt chẽ...

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân như: Hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, khó phát hiện; cấp có thẩm quyền chưa quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện; pháp luật về PCTN còn nhiều bất cập so với thực tế; vị trí, vai trò của cơ quan PCTN chưa tương xứng với trách nhiệm được giao; chưa có quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong PCTN; chưa phát huy tốt vai trò của nhân dân và các tổ chức xã hội trong đấu tranh PCTN...

Để nâng cao hiệu quả PCTN cả nước nói chung cần phải có những định hướng và giải pháp cụ thể, mang tính khả thi, phù hợp với thực tế. Nội dung này được tác giả trình bày ở Chương 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội.

Sửa đổi, hoàn thiện Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý, sử dụng đất nông nghiệp; chính sách chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác; nhằm khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn; khắc phục tình trạng dự án “treo”... để phù hợp với Luật Nhà ở năm 2014, Luật Kinh doanh bất động sản 2014, Luật Xây dựng năm 2014... và các văn bản hướng dẫn khác liên quan; đồng thời, cần phải xác định rõ trách nhiệm các cơ quan quản lý, sử dụng về đất đai, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách quản lý nhà nước về việc quản lý, sử dụng đất đai. Điều này làm cơ sở thúc đẩy phát triển về kinh tế - xã hội cũng như ngăn chặn những sai phạm trong quá trình quản lý, sử dụng đất đai. Ngoài ra, hoàn thiện các quy định để quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị và chính quyền từ trung ương tới địa phương; kiểm soát các khoản chi cho đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên, chi phí hội nghị, lễ hội, tiếp khách nhằm góp phần phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về đội ngũ cán bộ, công chức.

Nghiên cứu ban hành Luật Hành chính công và nên có một chương quy định chung về các giá trị đạo đức công; hoặc ban hành Luật Đạo đức công vụ (quy định giá trị cốt lõi của nền công vụ, các chuẩn mực của cán bộ, công chức trên các phương diện; có chế tài cụ thể và nghiêm khắc; hoàn thiện cơ chế quản lý đối với cán bộ, công chức...) nhằm điều chỉnh các giá trị đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ví dụ, tham khảo Luật Hành chính công của bang Victoria (Úc), có một chương quy định 07 giá trị công, với các định nghĩa, giải thích cụ thể, bao gồm: Sự đáp ứng (responsiveness), tính liêm chính (integrity), tính công bằng (impartiality), trách nhiệm giải trình (accountability), sự tôn trọng (respect), khả năng lãnh đạo (leadership), (tôn trọng và thúc đẩy) các quyền con người (human rights). Hơn nữa, quy định thành lập Ủy ban Đạo đức hoặc Ủy ban Liêm chính công, hoặc như ở Hoa Kỳ có Cơ quan Đạo đức Chính phủ, với khoảng 70 nhân viên, trong đó có 15 luật sư, ngân sách hằng năm là 12 triệu USD và công chức hành pháp Hoa Kỳ phải tuân theo 14 nguyên tắc hành vi đạo đức.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế về kiểm soát thu nhập.

Nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, quy định chi tiết phạm vi của hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan hành chính nhà nước cũng như người thân trong gia đình của đối tượng này. Cụ thể: Quy định rõ các loại tài sản như quyền sử dụng đất; quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với tài sản, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, nhà, công trình xây dựng đã có, đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản theo quy định của pháp luật và trong cả trường hợp không có các giấy tờ trên nhưng đã sử dụng ổn định, lâu dài từ 12 tháng trở lên để phòng ngừa trường hợp các chủ tài sản thường “nhờ” thành viên khác đứng tên với các bản thỏa thuận lợi ích ngầm mà không thể kiểm soát được. Ngoài ra, cũng cần xác định các tài sản hình thành trong tương lai, các giá trị hưởng lợi khác mà đối tượng bị kiểm soát tài sản, thu nhập đang hoặc sẽ được thụ hưởng trong tương lai thông qua các giao dịch, hợp đồng; các khoản bồi hoàn, hay bồi thường, bảo hiểm... Hơn nữa, cụ thể hóa đối với tài sản ở nước ngoài, tiền, tài khoản ngân hàng, tài khoản khác ở nước ngoài phù hợp với pháp luật quốc tế. Đồng thời, cần nghiên cứu hình sự hóa hành vi làm giàu bất hợp pháp và hành vi không giải trình được nguồn gốc của tài sản tăng bất thường bên cạnh chế tài xử lý kỷ luật như pháp luật hiện hành; thể hiện thái độ nghiêm khắc của Nhà nước trong việc xử lý hành vi kê khai, giải trình không hợp lý về nguồn gốc tài sản, thu nhập.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế về công khai, minh bạch.

Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch thể hiện một cách cụ thể, chặt chẽ như nội hàm công khai, minh bạch; tần suất công khai, minh bạch, đặc biệt các lĩnh vực có nhiều nguy cơ và dư luận về tiêu cực, tham nhũng: Các dự án đầu tư công lớn; quản lý, sử dụng đất đai; cổ phần hóa, thoái vốn, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước; việc mua bán, chuyển nhượng tài sản công; các dự án mua sắm lớn từ tài sản Nhà nước...; xác định trách nhiệm, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật... Hơn nữa, nghiên cứu quy định về việc công khai kết quả kê khai tài sản một số chức danh chủ chốt trong diện phải kê khai tài sản, thu nhập.

Mặt khác, cần sửa đổi Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể: Mở rộng về chủ thể thực hiện giải trình, bao gồm tất cả các cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đều phải thực hiện trách nhiệm giải trình nhằm công khai, minh bạch và tăng cường sự giám sát của nhân dân và mở rộng phạm vi trách nhiệm giải trình, không chỉ thực hiện khi có yêu cầu mà còn được thực hiện khi các chủ thể thấy cần thiết, có nhu cầu thực hiện trách

nhệm giải trình. Đồng thời, bổ sung quy định cụ thể về việc xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm giải trình nhằm bảo đảm rõ ràng hơn về hệ quả pháp lý của giải trình, nâng cao giá trị của các quy định về trách nhiệm giải trình.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế về kiểm soát quyền lực.

Trước hết, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục để Quốc hội tự xem xét lại tính hợp hiến của các đạo luật khi có dấu hiệu vi phạm Hiến pháp và mở rộng thẩm quyền của Chủ tịch nước trong việc yêu cầu Quốc hội phải xem xét lại luật khi thấy cần thiết (hiện nay, Chủ tịch nước chỉ có thẩm quyền đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh). Trong thời gian tới, nghiên cứu hướng đến việc ban hành “Luật về Tòa án Hiến pháp” - cơ quan đặc biệt bảo vệ Hiến pháp với vai trò là cơ quan chuyên trách, độc lập bảo vệ Hiến pháp, có thẩm quyền xem xét và đưa ra phán quyết về tính hợp hiến của văn bản quy phạm pháp luật và xử lý văn bản vi hiến.

Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế kiểm soát giữa cơ quan thực hiện quyền hành pháp và cơ quan thực hiện quyền tư pháp như nghiên cứu cơ chế thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao xem xét tính hợp hiến, hợp pháp trong các quyết định của Chính phủ. Đồng thời, cần sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan như: Quy định về trình tự, thủ tục để cơ quan thực hiện quyền tư pháp kiểm soát quyền lực hành pháp trong việc ban hành văn bản mang tính quy phạm; quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc tham gia phiên tòa xét xử các vụ án hành chính và thi hành các phán quyết của Tòa án trong các vụ án hành chính; quy định về phạm vi, nội dung, đối tượng kiểm soát quyền lực nhà nước giữa cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp...

Nghiên cứu cơ chế để cử tri có quyền bãi miễn đại biểu nếu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành, vừa bảo đảm dân chủ trực tiếp và nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đại biểu được bầu. Đây là hình thức mà nhiều nước trên thế giới đã và đang thực hiện. Hiện nay, chưa có trường hợp nào có tiền lệ cử tri bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà chỉ bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu tại nghị trường.

Tiếp tục hoàn thiện Dự án Luật Thanh tra (sửa đổi) để khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Ngành Thanh tra hiện nay (phụ thuộc vào người đứng đầu đơn vị hành chính và cơ chế tài chính của đơn vị hành chính chủ quản tương ứng) cũng như ghi nhận “nguyên tắc độc lập” của cơ quan này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (trong Luật Thanh tra năm 2010 chưa ghi nhận nguyên tắc này) nhằm phát huy vai trò của cơ quan này trong hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, nghiên cứu việc trao thẩm quyền khởi tố cho cơ quan thanh tra nhằm tăng cường hiệu quả của công tác bảo vệ pháp luật trong quá trình đấu tranh với tội phạm tham nhũng.

Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế thu hồi tài sản tham nhũng thông qua kiện dân sự.

Hiện nay, thu hồi tài sản tham nhũng chủ yếu thông qua biện pháp hình sự thường không giải quyết triệt để được tài sản từ tham nhũng. Trong những năm qua, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế được nâng lên rõ rệt (từ năm 2013 đến nay, qua công tác thanh tra, kiểm toán, đã kiến nghị thu hồi, xử lý tài chính hơn 700 nghìn tỷ đồng, hơn 20 nghìn héc-ta đất. Nếu như năm 2013, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng trong giai đoạn thi hành án chỉ đạt dưới 10%, thì bình quân giai đoạn 2013 - 2020, đạt tỷ lệ 32,04%) nhưng vẫn chưa đạt như tỷ lệ mong muốn.

Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 theo hướng sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao quản lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước trong việc khởi kiện vụ án dân sự để đòi lại những tài sản thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức nhưng bị hành vi tham nhũng xâm phạm; trong trường hợp cơ quan, tổ chức sở hữu tài sản nhà nước bị tham nhũng không khởi kiện vụ án, cho phép bên thứ ba khởi kiện vụ án dân sự đòi lại tài sản hoặc bồi thường thiệt hại tài sản này. Điều này, nhằm ngăn chặn động cơ tham nhũng, đánh vào tâm lý của người phạm tội và sẽ góp phần khắc phục một phần hoặc toàn bộ thiệt hại mà hành vi tham nhũng đã gây ra cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân.

Thứ bảy, tiếp tục hoàn thiện thể chế về tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như một công cụ pháp lý quan trọng nhằm “phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong quá trình hoạch định chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí”. Cần sớm nghiên cứu, ban hành Luật Giám sát xã hội và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, quy định cụ thể, toàn diện về cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cụ thể là về thẩm quyền, thủ tục, trình tự thực hiện quyền giám sát, phản biện xã hội; hậu quả pháp lý của việc giám sát, phản biện xã hội; nội dung, hình thức, phạm vi, cơ chế cụ thể và điều kiện bảo đảm thực hiện... Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có thể thực hiện tốt và có hiệu quả hơn chức năng, nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật quyền giám sát trực tiếp của nhân dân, góp phần thực hiện có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước như xây dựng kịp thời các đạo luật về quyền con người, quyền công dân như Luật về Hội, Luật Dân chủ ở cơ sở; các quy định làm cơ sở pháp lý cho việc hạn chế quyền con người trong một số trường hợp khẩn cấp như tình hình dịch bệnh Covid-19,... nhằm quán triệt sâu sắc quan điểm “dân làm chủ”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiếp tục thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Hoàn thiện cơ chế bảo vệ phóng viên, cơ quan báo chí, đưa tin về tham nhũng: Phóng viên, cơ quan báo chí có vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thể hiện qua nhiều hình thức chẳng hạn qua thư bạn đọc gửi đến cơ quan báo chí, phóng viên; thông qua việc tiếp nhận các phản ánh, tố cáo của người dân; hoặc phóng viên, cơ quan báo chí phát hiện những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng qua những biện pháp điều tra đặc thù của nghề nghiệp. Vì vậy, cần xác định rõ trong các quy định của pháp luật, phóng viên báo chí chống tham nhũng thì được bảo vệ như thế nào; nguyên tắc, cơ chế phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng; xây dựng cơ chế đối thoại và tham vấn thường xuyên giữa Nhà nước và người dân, các tổ chức xã hội.

Thứ tám, về kê khai tài sản.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức, đơn vị, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Công văn 2767 ngày 14/11/2023 về định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 2024. Công văn nêu rõ, các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập xây dựng, phê duyệt ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2024 trước ngày 31/1/2024 và tổ chức thực hiện theo quy định. Đồng thời tăng cường kiểm tra xác minh đối với các trường hợp cán bộ bị tố cáo, dư luận phản ánh về không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập; cán bộ có nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản theo quy định.

Đối với cấp tỉnh, tiến hành xác minh tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm công tác tại các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, UBND các huyện, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền kiểm soát của các cơ quan của Đảng theo quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành tại Quyết định 56-QĐ/TW.

Trọng tâm là xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực, các khâu, các công việc nhạy cảm, dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, có nhiều dư luận về tham nhũng, tiêu cực; cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực tổ chức, cán bộ, quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đất đai, quy hoạch và thực hiện cấp phép, đấu thầu, đấu giá, tài chính ngân sách, quản lý vốn tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xử lý các vụ án, vụ việc.

Trong hướng dẫn về kê khai tài sản, thu nhập tăng thêm, Luật và Nghị định của Chính phủ chỉ rõ, phải kê khai tài sản, thu nhập tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động”. Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”. Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản. Ghi tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Với những hạn chế từ thực tiễn, công tác này cần thiết phải được thực hiện nghiêm túc hơn, gắn chặt với giám sát, kiểm tra và trách nhiệm giải trình. Trách nhiệm ở đây không chỉ là trách nhiệm của người kê khai, mà còn là trách nhiệm của tổ chức, đơn vị tiếp nhận, giám sát, kiểm tra và công khai bản kê khai; việc đối soát biến động thu nhập, nhất là những khoản thu nhập lớn. Những tài sản bất minh cần phải được làm rõ chân tướng.

Đặc biệt, cần xử lý nghiêm minh, đủ tính răn đe đối với những trường hợp không trung thực khi kê khai tài sản, thu nhập. Nếu đánh giá thấp mức độ vi phạm mà “giơ cao đánh khẽ” thì ắt tình trạng “trốn tránh” kê khai tài sản, thu nhập, che giấu tài sản bất minh sẽ còn tái diễn.

Thứ chín, về hợp tác quốc tế có yếu tố nước ngoài.

Sự hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế còn có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực, phối hợp trong việc giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng có tính chất xuyên biên giới, xuyên quốc gia.

Đồng thời, góp phần lành mạnh hóa, thúc đẩy tính cạnh tranh và tăng sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam; thể hiện thiện chí sẵn sàng hợp tác với các nước và khẳng định quyết tâm của Việt Nam cùng thế giới đấu tranh có hiệu quả chống lại tội phạm tham nhũng. Chủ trương của Việt Nam trên trường quốc tế thể hiện ở

nguyên tắc “là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”.

Phương châm này cần phải được cụ thể hóa bằng những quyết sách của Đảng và Nhà nước trong tất cả các lĩnh vực đối ngoại. Đối với công tác PCTN tham gia vào các quan hệ hợp tác quốc tế sẽ thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc trở thành một thành viên tích cực, trách nhiệm trong “cuộc chiến chung” mang tính toàn cầu về PCTN.

Nội dung hợp tác quốc tế trong PCTN đó là, thúc đẩy quá trình “hài hoà hoá” trong nhận diện hành vi tham nhũng. Mặc dù tham nhũng ở các quốc gia có một số đặc điểm đặc thù nhưng nhìn chung vẫn có những điểm chung và được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Nhà nước thông qua việc tham gia các điều ước quốc tế, đặc biệt là các điều ước có tính ràng buộc về hiệu lực pháp lý như UNCAC cũng cần có những điều chỉnh phù hợp đối với quy định của pháp luật để thể hiện quan điểm rõ ràng về việc nhận diện về các dấu hiệu, yếu tố cấu thành hành vi tham nhũng (chủ thể, khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan) nhằm nâng cao mức độ tuân thủ các cam kết quốc tế, qua đó đáp ứng với chuẩn mực chung của quốc tế.

Đồng thời, nâng cao năng lực xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN; năng lực thực thi pháp luật và nhận thức của công chúng về PCTN thông qua hình thức hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm các hoạt động đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị hoặc cung cấp chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực có liên quan để hỗ trợ trực tiếp cho quá trình tổ chức thực hiện; hỗ trợ tổ chức các sáng kiến, sự kiện nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của người dân, xã hội nói chung vào công tác PCTN.

Ngoài ra, thiết lập các cơ chế phát hiện tham nhũng. Phát hiện tham nhũng đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền phải thực hiện các biện pháp làm rõ có hay không có hành vi tham nhũng. Việc chứng minh một chủ thể đã thực hiện hành vi tham nhũng trong trường hợp phải có sự phối hợp giữa các quốc gia, nhất là các vụ việc liên quan đến người, tài sản ở nước ngoài. Ví dụ, tại Việt Nam, vụ việc Vinalines qua điều tra cho thấy hành vi tham nhũng liên quan đến đối tác tại Singapore, Nga... Điều đó đòi hỏi phải có sự hợp tác với các quốc gia liên quan.

Mặt khác, nâng cao hiệu quả xử lý tham nhũng, Ban Chủ nhiệm cho biết, xử lý tham nhũng gồm 2 nội dung chính là xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng. Việc xử lý tham nhũng đòi hỏi phải có hoạt động hợp tác quốc tế trong một số trường hợp. Điều này cũng được ghi nhận trong UNCAC 2003 và thực tế xử lý nhiều vụ việc tham nhũng trong thời gian qua trước yêu cầu phải truy tìm, dẫn độ, chuyển giao người phạm tội tham nhũng và hồi hương tài sản tham nhũng.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Để phát huy các nhân tố tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực, kìm hãm hiệu lực, hiệu quả PCTN cần có những giải pháp sau:

Một là, cần phải xây dựng, ban hành và thực thi các cơ chế về kiểm soát quyền lực để PCTN. Mọi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn đều phải được kiểm soát chặt chẽ từ bên trong và kiểm soát từ bên ngoài bằng các cơ chế và quy định rõ ràng, cụ thể; quyền lực phải được ràng buộc chặt chẽ với trách nhiệm, quyền hạn đến đâu, trách nhiệm đến đó; văn bản có quy định về việc thực hiện thì bắt buộc phải quy định về chế tài xử lý vi phạm; tăng nặng các chế tài pháp lý, từ xử lý kỷ luật, xử lý hành chính cho đến xử lý hình sự, bảo đảm tính nghiêm khắc và đủ sức răn đe hơn nữa đối với các vi phạm.

Hai là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ cơ chế "xin -cho" trong quản lý kinh tế - xã hội, hoàn thiện các quy định về quản lý tài sản công, đấu thầu các dự án, đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản công theo hướng minh bạch, công khai, chặt chẽ và đồng bộ, bảo đảm môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng và công bằng, lường trước và "bịt kín" tất cả các "lỗ hổng", khắc phục những hạn chế, triệt tiêu khả năng phát sinh tham nhũng, "tham nhũng vặt", "sách nhiễu", "vòi vĩnh" trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Ba là, chú trọng kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật để hạn chế sự tác động tiêu cực của "nhóm lợi ích", "sân sau", "tư duy nhiệm kỳ", ngăn chặn nguy cơ nảy sinh tham nhũng ngay từ khi xây dựng chính sách, làm "méo mó", giảm hiệu lực và hiệu quả của các chính sách và pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; khắc phục tình trạng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN không thiếu, nhưng thực hiện không nghiêm, không hiệu quả.

Bốn là, cần bổ sung sửa đổi Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự theo hướng: Xử lý, thu hồi tài sản tăng thêm không giải trình được nguồn gốc và hình sự hóa hành vi làm giàu bất hợp pháp; tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan giám sát, thanh tra, kiểm toán trong việc áp dụng các biện pháp thu giữ, tạm giữ, kê biên, phong tỏa tài sản của các cá nhân liên quan đến sai phạm về kinh tế, có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực; quy định linh hoạt thời điểm áp dụng các biện pháp phong tỏa tài khoản, kê biên tài sản, số lượng, giá trị các loại tài sản bị kê biên (không nhất thiết quy định "vừa đủ" như hiện nay); quy định thủ tục đặc biệt để thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế... Đồng thời, hoàn thiện các quy định của Luật Tương trợ tư pháp; xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, đảm bảo thực hiện hiệu quả tương trợ tư pháp trong thu hồi tài sản trong quá trình tố tụng

giải quyết các vụ án hình sự tham nhũng, kinh tế và thi hành các bản án, quyết định hình sự về tham nhũng.

Năm là, xây dựng và thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch triển khai thi hành các văn bản pháp luật về PCTN sau khi được ban hành là yếu tố quan trọng đảm bảo đưa pháp luật vào đời sống, đảm bảo sự gắn kết giữa xây dựng và thực hiện pháp luật. Việc thực hiện các chương trình, kế hoạch thi hành luật phải được bảo đảm đúng lộ trình ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật; phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm các điều kiện, nguồn lực cho việc thi hành pháp luật; tăng cường kiểm tra, giám sát ở từng bước, từng giai đoạn, đặc biệt là việc đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội thực tế của văn bản được thi hành.

Sáu là, xử lý nghiêm mọi vi phạm pháp luật PCTN để cán bộ không dám tham nhũng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế phải xử lý toàn diện và công khai, nhưng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, có nhiều dư luận về tham nhũng, tiêu cực, những vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội, trọng tâm là việc quản lý, sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản; việc mua bán, chuyển nhượng tài sản công (đất đai, nhà công sản...); các dự án đầu tư lớn, mua sắm lớn từ tài sản nhà nước; cổ phần hóa, thoái vốn trong tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; hoạt động quản lý, sử dụng vốn đầu tư, sử dụng nguồn viện trợ, tài trợ của nước ngoài, hoạt động huy động vốn, phát hành trái phiếu; các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT... Phải kịp thời ngăn chặn, giải quyết ngay không để tích tụ kéo dài.

Bảy là, tăng cường cơ chế giám sát của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, *“chống tham ô là dân chủ”*. Người dạy rằng: *“Phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công”*. Việc chống này phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng. Công khai, dân chủ là một trong những biện pháp hữu hiệu để phòng, chống tham nhũng, để người dân tham gia vào giám sát hoạt động của người có chức vụ, quyền hạn. Việc giám sát này không chỉ dừng lại ở các biện pháp phòng ngừa mà còn theo đến cùng khi các vụ án tham nhũng bị phát hiện, điều tra, xử lý. Bên cạnh đó, cần tăng cường các biện pháp giám sát các nguồn thu nhập và những biến động về tài sản của người có nhiệm vụ, quyền hạn nhằm phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, có cơ chế khuyến khích người dân cung

cấp những thông tin tố giác tham nhũng và bảo đảm cơ chế bảo vệ người tố giác hành vi tham nhũng.

Tám là, nâng cao nhận thức về trách nhiệm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho cán bộ, công chức, viên chức và đông đảo quần chúng nhân dân. Để phát huy được vai trò, sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trước hết phải có các giải pháp nâng cao nhận thức về trách nhiệm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho cán bộ, công chức, viên chức và đông đảo quần chúng nhân dân, cần coi trọng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; giải thích, hướng dẫn để người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong công tác này. Bên cạnh đó, phải liên tục đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền những quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn, vì vậy, cần có những biện pháp tập trung vào đối tượng này.

Chín là, cần đẩy nhanh tiến độ cải cách chế độ tiền lương. Ngày 07/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 185/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2023, trong đó, Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện, thể chế hóa các quy định của Đảng, Quốc hội về chính sách cải cách tiền lương, bảo đảm khả thi, chất lượng và đúng tiến độ. Cán bộ, công chức, viên chức là nhóm đối tượng thuộc hệ thống các cơ quan nhà nước, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội do vị trí việc làm và tính chất lao động đặc thù. Vì vậy, việc trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức đúng với chức năng nhiệm vụ và yêu cầu công việc là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực để phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý, thực thi công vụ, cung cấp dịch vụ công, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức cần được đặt trong mối tương quan với mặt bằng tiền lương khu vực thị trường, điều này sẽ giúp nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức, tạo động lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Đấu tranh PCTN là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp cần phải có sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, phải có sự tham gia của toàn xã hội trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, trong đó các cơ quan, tổ chức, đơn vị chuyên trách PCTN đóng vai trò chủ đạo, phối hợp để thực hiện trọng trách trên.

Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật về PCTN từ thực tiễn tại Việt Nam, tác giả đã dự báo về tình hình tham nhũng trong thời gian tới diễn biến phức tạp do “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn”. Từ đó đã đưa ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN nói chung và các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam nói riêng. Tác giả đã nêu ra các giải pháp để góp phần sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về PCTN; củng cố, kiện toàn, nâng cao vị thế, vai trò của các cơ quan PCTN; công khai, minh bạch trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; công khai minh bạch tài sản, thu nhập của CBCCVC; thu hút đông đảo nhân dân tham gia PCTN...

KẾT LUẬN

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, gắn liền với sự ra đời và tồn tại của nhà nước. Nó hiện hữu ở tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị, giàu nghèo, phát triển hay đang phát triển hoặc kém phát triển. Tham nhũng là hệ quả của quyền lực bị lạm dụng, bị tha hóa. Tham nhũng nảy sinh, tồn tại và hoành hành do sự hư hỏng, biến chất không chỉ của những người có chức quyền mà còn của cả những người được giao thực hiện những công vụ bình thường đã làm biến dạng quyền hạn và công vụ được giao phó. Nói cách khác, quyền hạn hay công vụ trao cho họ đáng lý ra phải được thực hiện vì lợi ích chung của cả xã hội thì lại bị lạm dụng vào mục đích trục lợi cho riêng cá nhân.

Tham nhũng gây ra nhiều tác hại nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, là một nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của chế độ ta. Chính vì thế, PCTN là nhiệm vụ của mọi quốc gia, mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân.

Trong những năm gần đây, tình trạng tham nhũng ngày càng có nhiều biểu hiện phức tạp. Lòng tin của nhân dân vào sự liêm khiết của cán bộ, công chức nhà nước giảm sút. Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, công tác chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Việt Nam đã đạt được một số kết quả tích cực, một số vụ việc đã được đưa ra truy tố và xét xử. Nhân dân đã có ý thức tham gia cung cấp thông tin chống tham nhũng, các cơ quan PCTN chuyên trách đã được thành lập, các hoạt động CTN ngày càng được coi trọng.

Tuy nhiên, so với mục tiêu “ngăn chặn” và “từng bước đẩy lùi tham nhũng” thì Việt Nam còn phải tiếp tục quyết tâm và quyết liệt hơn nữa trong đấu tranh PCTN. Để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam trong những năm tới cần tăng cường các hoạt động PCTN theo hướng:

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhất là TTHC theo hướng công khai, minh bạch, dễ tiếp cận để giảm thiểu cơ hội tham nhũng; nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trong thực hiện công tác PCTN; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân và các tổ chức xã hội tham gia PCTN; chú trọng nội dung phòng, chống tham nhũng trong công tác quản lý công chức nhà nước; củng cố, kiện toàn các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng; nâng cao chất lượng, hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng; ban hành và thực hiện tốt cơ chế, chính sách quản lý nhà nước trên các lĩnh vực có nhiều cơ hội tham nhũng; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư pháp, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử trong PCTN.

Từ những định hướng trên, phải thực hiện đồng bộ cả những giải pháp phòng ngừa hữu hiệu nạn tham nhũng lẫn tích cực đấu tranh chống tham nhũng. Trong đó cần đặc biệt chú trọng thực hiện các giải pháp như: hoàn thiện các quy định pháp luật về PCTN; củng cố, kiện toàn cơ quan PCTN; cải cách thủ tục hành chính, xây dựng nền hành hiện đại, công khai minh bạch; xây dựng đội ngũ CBCCVC chuyên nghiệp và có phẩm chất đạo đức tốt, kiểm soát chặt chẽ thu nhập của CBCCVC đi đôi với phát hiện và xử lý nghiêm minh người có hành vi tham nhũng; huy động sự tham gia của toàn xã hội trong PCTN; chú trọng cả các giải pháp PCTN ngay trong cơ quan, tổ chức, đơn vị chống tham nhũng. Mọi giải pháp trên đây sẽ chỉ là hình thức nếu thiếu sự quyết tâm chính trị Tỉnh ủy, chính quyền địa phương; sự gương mẫu và quyết liệt chỉ đạo của người đứng đầu các cấp, các ngành đối với công tác PCTN. Do vậy, muốn đạt được mục tiêu “ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng” phải thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2013), Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
2. Quốc hội (2005, 2007, 2012), Luật Phòng, chống tham nhũng, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
3. Quốc hội (2012), Luật Phòng, chống rửa tiền, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội (1999), Bộ luật Hình sự, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
5. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017
7. Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (2008), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp PCTN ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Hà Nội.
8. *Sách “Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số nước trên thế giới”* do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, xuất bản năm 2005.
9. *Sách “Tham nhũng và biện pháp chống tham nhũng ở Trung Quốc”* do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2009.
10. Trần Anh Tuấn (2011), *Hoàn thiện pháp luật về PCTN ở Việt Nam hiện nay*, Luật văn Thạc sĩ Luật học – Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Trần Anh Tuấn (2007), *Kinh nghiệm phòng chống tham nhũng của Singapore*”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
12. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2006), *Nghị quyết số 1039/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 28/08 về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Kim Nhung (2013), *Phòng chống tham nhũng từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước*, Luật văn Thạc sĩ học.
14. Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (2008), Cuốn sách: *“Nhận diện tham nhũng và các giải pháp PCTN ở Việt Nam hiện nay”*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia tái bản năm 2010
15. Nguyễn Phú Trọng: *“Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Nhìn lại 10 năm qua; định ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới”*,

<https://www.vietnamplus.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc/801297.vnp>, ngày 30/6/ 2022.

16. Nguyễn Phú Trọng: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 16-5-2021
17. Nguyễn Phú Trọng – *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb CTQGST, H. 2023, tr. 29.
18. Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG (2023), *Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực - quyết tâm chính trị không thể đảo ngược của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng, <http://tapchiquptd.vn/vi/phong-chong-dbhb-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-quyet-tam-chinh-tri-khong-the-dao-nguoc-cua-dang-cong-san-viet-nam/20574.html>